

Số: 1132/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận tốt nghiệp cao đẳng, hệ chính quy
cho sinh viên khóa 2013 và khóa cũ trả nợ học phần**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-GDDT-TC ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành “Điều lệ trường Cao đẳng”;

Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 1780/QĐ-LTT ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành “Quy định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ”;

Căn cứ biên bản buổi họp xét tốt nghiệp cao đẳng ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Hội đồng xét tốt nghiệp cho sinh viên bậc cao đẳng năm học 2015-2016;

Theo đề nghị của Trường phòng Tuyển sinh - Đào tạo - Giới thiệu việc làm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp cao đẳng, hệ chính quy cho 666 sinh viên của khóa 2013 và các khóa cũ, cụ thể như sau:

1. Khóa 2013 : 600 sinh viên
2. Các khóa cũ : 66 sinh viên (có danh sách kèm theo)

Điều 2. Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp, đã nộp chứng chỉ Tin học và tiếng Anh theo quy định được cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các sinh viên có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TS-ĐT-GTVL.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN CÁC KHÓA CŨ
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG, HỆ CHÍNH QUY
(Tháng 8 / 2016)

(Kèm theo Quyết định số 432/QĐ-LTT-ĐT ngày 06 tháng 9 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ Thuật Lý Tự Trọng thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	Nhà	NGÀY SINH	NƠI SINH	TBCHT TOÀN KHÓA	XẾP LOẠI TN	ĐÃ CÓ CC A TIN HỌC	ĐÃ CÓ CC B TIẾNG ANH	GHI CHÚ
KHÓA 2010 CAO ĐẲNG											
1	10D0070027	Đào Tấn Phát	10CD-NL1		30/8/1992	Tiền Giang	6.16	Trung bình khá			
KHÓA 2011 CAO ĐẲNG											
2	11D0060005	Võ Văn Cửa	11CD-DT1		26/5/1992	Bình Định	6.21	Trung bình khá			
3	11D0060118	Nguyễn Mạnh Huy	11CD-DT1		04/11/1990	Tp. Hồ Chí Minh	5.81	Trung bình			
4	11D0060076	Trần Văn Anh	11CD-DT3		30/01/1993	Hà Tĩnh	6.12	Trung bình khá			
5	11D0060162	Nguyễn Thanh Tân	11CD-DT3		11/10/1992	Tp. Hồ Chí Minh	6.23	Trung bình khá			
6	11D0010051	Trương Hồng Phước	11CD-Đ2		07/9/1993	Đồng Nai	5.81	Trung bình			
7	11D0010269	Nguyễn Văn Tựu	11CD-Đ2		12/10/1992	Bình Định	5.84	Trung bình			
8	11D0010180	Lê Văn Ngân	11CD-Đ4		20/12/1993	Bình Định	6.01	Trung bình khá			
9	11D0010259	Trương Văn Tới	11CD-Đ4		04/7/1993	Phú Yên	5.64	Trung bình			
10	11D0020218	Lê Xuân Quốc	11CD-CK2		10/10/1993	Bình Định	5.94	Trung bình			
11	11D0020190	Nguyễn Văn Ngoan	11CD-CK5		1993	Long An	6.85	Trung bình khá			
12	11D0020057	Nguyễn Văn Nhân	11CD-CK5		11/10/1992	Sông Bé	6.38	Trung bình khá			
13	11D0030111	Hoàng Sáng	11CD-Ô1		19/10/1992	Bình Thuận	5.87	Trung bình			
14	11D0030100	Nguyễn Hữu Phước	11CD-Ô2		19/7/1993	Kiên Giang	6.13	Trung bình khá			
15	11D0030109	Nguyễn Lê Quyền	11CD-Ô2		06/7/1993	Tp. Hồ Chí Minh	6.18	Trung bình khá			
16	11D0030116	Hoàng Văn Quỳnh	11CD-Ô5		24/3/1990	Sông Bé	5.80	Trung bình			
17	11D0040233	Trần Quang Khâm	11CD-TP1		25/01/1992	Đồng Nai	6.12	Trung bình khá			
18	11D0040045	Võ Đình Phú	11CD-TP1		03/4/1993	Tp. Hồ Chí Minh	5.85	Trung bình			
19	11D0040056	Nguyễn Văn Quý	11CD-TP2		1993	Tây Ninh	5.74	Trung bình			

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	Nữ	NGÀY SINH	NƠI SINH	TBCHT TOÀN KHÓA	XẾP LOẠI TN	ĐÃ CÓ CC A TIN HỌC	ĐÃ CÓ CC B TIẾNG ANH	GHI CHÚ
20	11D0040090	Phan Đình Tuấn Anh	11CD-TP3		23/5/1993	Sông Bé	6.28	Trung bình khá			
21	11D0040151	Nguyễn Phi Long	11CD-TP3		09/11/1990	Tiền Giang	6.04	Trung bình khá			
KHÓA 2012 CAO ĐẲNG											
22	12D3010009	Mai Thái Bảo	12CD-ĐT1		14/10/1994	Đắk Lắk	6.35	Trung bình khá	A	B	
23	12D3010176	Nguyễn Tuấn Vũ	12CD-ĐT1		11/4/1992	Đồng Nai	5.89	Trung bình	A	B	
24	12D3010003	Hà Việt Anh	12CD-ĐT2		12/9/1993	Phú Thọ	6.77	Trung bình khá	A	B	
25	12D3010028	Lương Minh Dương	12CD-ĐT2		29/02/1992	Đắk Lắk	6.10	Trung bình khá	A	B	
26	12D3010046	Nguyễn Đức Hiếu	12CD-ĐT2		17/7/1994	Gia Lai	5.76	Trung bình	A	B	
27	12D3010181	Lê Hoài Trương	12CD-ĐT2		10/10/1994	Bình Định	6.12	Trung bình khá	A	B	
28	12D301Đ002	Nguyễn Hoài An	12CD-Đ1		15/6/1994	Đồng Nai	5.93	Trung bình	A	B	
29	12D301Đ015	Lâm Nguyễn Hùng Cường	12CD-Đ1		14/02/1994	Quảng Ngãi	6.03	Trung bình khá	A	B	
30	12D301Đ022	Nguyễn Thanh Dinh	12CD-Đ1		18/6/1994	Bình Thuận	6.26	Trung bình khá			
31	11D0010126	Nguyễn Văn Hải	12CD-Đ1		10/02/1992	Sông Bé	5.95	Trung bình	A	B	
32	12D301Đ051	Phạm Thanh Hải	12CD-Đ1		12/11/1993	Long An	5.66	Trung bình	A	B	
33	12D301Đ067	Hoàng Công Huy	12CD-Đ1		20/7/1994	Quảng Ngãi	6.32	Trung bình khá	A	B	
34	11D0010301	Phan Quốc Tú	12CD-Đ1		13/9/1993	Đắk Nông	6.35	Trung bình khá	A	B	
35	12D301Đ107	Đoàn Thanh Phong	12CD-Đ2		05/9/1994	Bình Định	6.36	Trung bình khá	A	B	
36	11D0010296	Giang Hoài Thanh	12CD-Đ2		15/10/1993	Sông Bé	5.79	Trung bình	A	B	
37	12D301Đ140	Võ Văn Thương	12CD-Đ2		22/9/1993	Nghệ An	5.94	Trung bình	A	B	
38	11D0010074	Võ Trọng Trí	12CD-Đ2		21/9/1992	Quảng Ngãi	5.80	Trung bình			
39	12D301Đ159	Lê Thanh Anh Tuấn	12CD-Đ2		06/6/1994	Ninh Thuận	6.20	Trung bình khá		B	
40	12D301Đ171	Nguyễn Hoàng Vỹ	12CD-Đ2		15/7/1994	Tây Ninh	6.43	Trung bình khá	A	B	
41	12D2060006	Trương Ngô Chí	12CD-NL2		22/5/1992	Tp. Hồ Chí Minh	6.29	Trung bình khá			
42	12D2010119	Nguyễn Thành Quân	12CD-CK1		16/8/1994	Bình Thuận	5.96	Trung bình	A	B	
43	12D2010183	Trần Nhật Trường	12CD-CK1		15/01/1994	Bình Thuận	6.51	Trung bình khá			
44	12D2010187	Nguyễn Quốc Tuyển	12CD-CK1		18/01/1994	Đồng Nai	6.07	Trung bình khá		B	
45	12D2010003	Phạm Long An	12CD-CK3		29/9/1993	Nghệ An	6.01	Trung bình khá	A	B	
46	11D0020011	Lê Văn Dự	12CD-CK3		02/4/1993	Quảng Ngãi	5.63	Trung bình		B	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	Nữ	NGÀY SINH	NƠI SINH	TBCHT TOÀN KHÓA	XẾP LOẠI TN	ĐÃ CÓ CC A TIN HỌC	ĐÃ CÓ CC B TIẾNG ANH	GHI CHÚ
47	12D2010146	Nguyễn Hồng Thái	12CD-CK3		25/11/1992	Phú Thọ	6.04	Trung bình khá	A	B	
48	12D2050017	Nguyễn Anh Đức	12CD-Ô1		06/02/1994	Nam Định	6.41	Trung bình khá	A	B	
49	11D0030022	Trần Bảo Duy	12CD-Ô1		10/12/1993	Tp. Hồ Chí Minh	6.23	Trung bình khá	A	B	
50	11D0030087	Nguyễn Hoàng Phong	12CD-Ô1		30/6/1991	Tp. Hồ Chí Minh	6.07	Trung bình khá	A	B	
51	12D2050068	Nguyễn Tiến Thành	12CD-Ô1		09/11/1994	Nam Hà	6.26	Trung bình khá	A	B	
52	12D2050086	Trần Minh Trung	12CD-Ô1		05/7/1994	Đồng Tháp	6.46	Trung bình khá	A	B	
53	11D0030083	Cao Lê Hồng Phát	12CD-Ô2		30/12/1993	Đắk Lắk	6.21	Trung bình khá	A	B	
54	11D0030397	Trương Văn Tiến	12CD-Ô2		10/7/1992	Quảng Ngãi	6.11	Trung bình khá	A	B	
55	12D201M001	Vũ Tuấn Anh	12CD-TM1		15/01/1994	Tp. Hồ Chí Minh	6.43	Trung bình khá		B	
56	12D201M003	Nguyễn Hữu Bình	12CD-TM1		16/01/1994	An Giang	6.02	Trung bình khá		B	
57	12D201M076	Ngô Chí Cảnh	12CD-TM1		03/02/1994	Bến Tre	5.88	Trung bình		B	
58	12D201M007	Tiền Thanh Chí	12CD-TM1		02/8/1994	Tp. Hồ Chí Minh	5.73	Trung bình		B	
59	12D201M019	Nguyễn Thanh Hải	12CD-TM1		14/02/1993	Đắk Lắk	6.35	Trung bình khá		B	
60	12D201M022	Lê Tiến Hùng	12CD-TM1		30/01/1993	Bình Định	5.85	Trung bình			
61	11D0050112	Trần Trọng Nhân	12CD-TM1		20/9/1993	Tiền Giang	6.08	Trung bình khá		B	
62	12D201M042	Đặng Duy Nhật	12CD-TM1		06/6/1994	Hà Nam	5.99	Trung bình		B	
63	12D201M058	Nguyễn Tấn Thanh	12CD-TM1		18/9/1993	Tp. Hồ Chí Minh	5.98	Trung bình		B	
64	12D201P015	Lê Nguyễn Tiến Đạt	12CD-TP1		28/9/1993	Tp. Hồ Chí Minh	6.14	Trung bình khá		B	
65	12D201P045	Lê Song Trang Nhã	12CD-TP1	x	01/6/1994	Quảng Ngãi	6.17	Trung bình khá		B	
66	12D201P047	Võ Trọng Nhân	12CD-TP1		16/3/1994	Đồng Nai	6.06	Trung bình khá		B	

Tổng cộng danh sách có 66 sinh viên.

Trong đó:

* Loại TBK : 42 SV # 63.64 %

* Loại TB : 24 SV # 36.36 %

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

TRƯỞNG P.TS-ĐT-GTVL

Nguyễn Văn Tấn

**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 2013 ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN
TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG, HỆ CHÍNH QUY**

(Kèm theo Quyết định số 132/QĐ-LTT-DT ngày 06 tháng 9 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ Thuật Lý Tự Trọng thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số HP nợ	Số tín chỉ toàn khóa	Số tín chỉ tích lũy	Trung bình toàn khóa	Xếp loại TN	ĐÃ CÓ CC TIN HỌC	ĐÃ CÓ CC TIẾNG ANH	GHI CHÚ
1	13D3010005	Nguyễn Thành	Chung	Nam	10/02/1994	13CD-ĐT1	0	105	105	6.49	Trung bình	A	B	
2	13D3010018	Nguyễn Hải	Đặng	Nam	19/05/1995	13CD-ĐT1	0	105	105	6.14	Trung bình	A	B	
3	13D3010076	Lữ Đình	Đạt	Nam	01/05/1995	13CD-ĐT1	0	105	105	6.15	Trung bình	A	B	
4	13D3010022	Nguyễn Trung	Đức	Nam	15/02/1995	13CD-ĐT1	0	105	105	5.89	Trung bình	A	B	
5	13D3010012	Phạm Văn	Dũng	Nam	03/08/1994	13CD-ĐT1	0	105	105	6.41	Trung bình	A	B	
6	13D3010014	Nguyễn Khánh	Duy	Nam	26/09/1995	13CD-ĐT1	0	105	105	6.80	Trung bình	A	B	
7	13D3010026	Phạm Giang	Đài	Nam	20/05/1995	13CD-ĐT1	0	105	105	6.63	Trung bình	A	B	
8	13D3010039	Nguyễn Văn	Hoanh	Nam	14/10/1995	13CD-ĐT1	0	105	105	6.04	Trung bình	A	B	
9	13D3010045	Lê Thành	Huy	Nam	25/04/1995	13CD-ĐT1	0	105	105	6.05	Trung bình	A	B	
10	13D3010051	Huỳnh Duy	Khánh	Nam	09/10/1995	13CD-ĐT1	0	105	105	5.57	Trung bình	A	B	
11	13D3010056	Phan Trung	Kiên	Nam	13/03/1995	13CD-ĐT1	0	105	105	6.29	Trung bình	A	B	
12	13D3010057	Trần Văn	Kiệt	Nam	10/05/1995	13CD-ĐT1	0	105	105	6.77	Trung bình	A	B	
13	13D3010069	Nguyễn Công	Minh	Nam	10/01/1995	13CD-ĐT1	0	105	105	5.89	Trung bình	A	B	
14	13D3010077	Lâm Trọng	Nhân	Nam	04/09/1995	13CD-ĐT1	0	105	105	6.16	Trung bình	A	B	
15	13D3010042	Nguyễn Sinh	Nhật	Nam	12/01/1995	13CD-ĐT1	0	105	105	6.22	Trung bình	A	B	
16	13D3010079	Hồ Đình	Nhật	Nam	07/02/1995	13CD-ĐT1	0	105	105	6.19	Trung bình	A	B	
17	13D3010091	Võ Thế	Phúc	Nam	18/03/1995	13CD-ĐT1	0	105	105	6.01	Trung bình	A	B	
18	13D3010092	Nguyễn Anh	Phụng	Nam	19/05/1995	13CD-ĐT1	0	105	105	5.86	Trung bình		B	
19	13D3010098	Nguyễn Minh	Phương	Nữ	20/03/1994	13CD-ĐT1	0	105	105	6.88	Trung bình		B	
20	13D3010101	Vòng Đông	Quý	Nam	09/02/1994	13CD-ĐT1	0	105	105	6.00	Trung bình	A	B	
21	13D3010107	Ngô Văn	Tạc	Nam	26/01/1995	13CD-ĐT1	0	105	105	6.60	Trung bình	A	B	
22	13D3010117	Lê Chí Hoàng	Thắng	Nam	18/04/1995	13CD-ĐT1	0	105	105	7.46	Khá	A	B	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số HP nợ	Số tín chỉ toàn khóa	Số tín chỉ tích lũy	Trung bình toàn khóa	Xếp loại TN	ĐÃ CÓ CC TÍN HỌC	ĐÃ CÓ CC TIẾNG ANH	GHI CHÚ
23	13D3010120	Bùi Văn	Thành	Nam	08/09/1993	13CD-DT1	0	105	105	6.55	Trung bình	A	B	
24	13D3010123	Phạm Văn	Thê	Nam	20/09/1995	13CD-DT1	0	105	105	6.05	Trung bình	A	B	
25	13D3010125	Nguyễn Ngọc Huy	Thịnh	Nam	09/05/1993	13CD-DT1	0	105	105	6.87	Trung bình	A	B	
26	13D3010128	Vũ Duy	Thuận	Nam	12/03/1993	13CD-DT1	0	105	105	6.05	Trung bình	A	B	
27	13D3010129	Ngô Công	Thuật	Nam	09/06/1994	13CD-DT1	0	105	105	6.28	Trung bình	A	B	
28	13D3010131	Nguyễn Duy	Tiên	Nam	02/01/1995	13CD-DT1	0	105	105	6.11	Trung bình	A	B	
29	13D3010135	Nguyễn Minh	Toàn	Nam	30/09/1995	13CD-DT1	0	105	105	6.05	Trung bình	A	B	
30	13D3010137	Phan Tấn	Tối	Nam	19/05/1995	13CD-DT1	0	105	105	5.98	Trung bình	A	B	
31	13D3010138	Lê Quang	Trãi	Nam	15/01/1995	13CD-DT1	0	105	105	5.73	Trung bình	A	B	
32	13D3010144	Trần Nhựt	Trường	Nam	30/07/1995	13CD-DT1	0	105	105	6.50	Trung bình	A	B	
33	13D3010031	Lê Thanh	Tùng	Nam	19/01/1994	13CD-DT1	0	105	105	6.60	Trung bình	A	B	
34	12D3010179	Hà Trọng	Xá	Nam	06/03/1993	13CD-DT1	0	105	105	6.58	Trung bình	A	B	
35	13D3010159	Phạm Văn	Xuân	Nam	27/06/1995	13CD-DT1	0	105	105	6.20	Trung bình	A	B	
36	13D3010176	Đặng Thanh	Bình	Nam	22/03/1995	13CD-DT2	0	105	105	6.22	Trung bình	A	B	
37	13D3010017	Võ Văn	Đại	Nam	12/12/1994	13CD-DT2	0	105	105	6.11	Trung bình		B	
38	13D3010177	Nguyễn Tấn	Đạt	Nam	09/04/1995	13CD-DT2	0	105	105	6.84	Trung bình	A	B	
39	12D3010035	Hoàng Minh	Đức	Nam	12/09/1994	13CD-DT2	0	105	105	6.24	Trung bình			
40	13D3010011	Nguyễn Đình	Dũng	Nam	26/11/1993	13CD-DT2	0	105	105	6.17	Trung bình		B	
41	13D3010013	Lê Hoàng	Duy	Nam	26/04/1995	13CD-DT2	0	105	105	6.14	Trung bình	A	B	
42	13D3010168	Nguyễn Phi	Hào	Nam	03/02/1995	13CD-DT2	0	105	105	6.34	Trung bình	A	B	
43	13D3010167	Trần Huệ	Hiếu	Nam	09/06/1995	13CD-DT2	0	105	105	7.19	Khá	A	B	
44	13D3010036	Đinh Khải	Hoàn	Nam	19/11/1994	13CD-DT2	0	105	105	6.82	Trung bình	A	B	
45	13D3010035	Lê Nguyễn	Hoàng	Nam	01/07/1995	13CD-DT2	0	105	105	6.63	Trung bình	A	B	
46	13D3010169	Phạm Ngọc	Hoàng	Nam	03/04/1995	13CD-DT2	0	105	105	6.33	Trung bình	A	B	
47	13D3010040	Nguyễn Ngọc	Huân	Nam	17/04/1995	13CD-DT2	0	105	105	6.53	Trung bình	A	B	
48	13D3010178	Đinh Tiến	Hưng	Nam	10/08/1992	13CD-DT2	0	105	105	6.56	Trung bình	A	B	
49	13D3010046	Mai Ngọc	Huy	Nam	27/04/1994	13CD-DT2	0	105	105	5.81	Trung bình		B	
50	13D3010049	Bùi Văn	Huỳnh	Nam	04/10/1994	13CD-DT2	0	105	105	6.16	Trung bình	A	B	
51	12D3010059	Trương Quang	Khánh	Nam	17/11/1993	13CD-DT2	0	105	105	6.06	Trung bình	A		
52	13D3010058	Nguyễn Ngọc	Lâm	Nam	10/02/1995	13CD-DT2	0	105	105	5.97	Trung bình	A	B	
53	13D3010061	Nguyễn Quang	Lãnh	Nam	20/07/1994	13CD-DT2	0	105	105	6.40	Trung bình	A	B	
54	13D3010070	Trần Chí	Mỹ	Nam	16/06/1993	13CD-DT2	0	105	105	5.65	Trung bình	A	B	
55	13D3010180	Nguyễn Việt	Mạnh	Nam	01/03/1993	13CD-DT2	0	105	105	6.40	Trung bình	A	B	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số HP ng	Số tín chỉ toàn khóa	Số tín chỉ tích lũy	Trung bình toàn khóa	Xếp loại TN	ĐÃ CÓ CC TIN HỌC	ĐÃ CÓ CC TIẾNG ANH	GHI CHÚ
56	13D3010074	Huỳnh Trọng	Nghĩa	Nam	20/07/1995	13CD-ĐT2	0	105	105	5.99	Trung bình	A	B	
57	13D3010181	Trần Đức	Phúc	Nam	02/02/1994	13CD-ĐT2	0	105	105	5.80	Trung bình	A	B	
58	13D3010162	Võ Trường	Phúc	Nam	08/09/1995	13CD-ĐT2	0	105	105	6.13	Trung bình		B	
59	13D3010093	Nguyễn Đại	Phước	Nam	15/03/1995	13CD-ĐT2	0	105	105	6.68	Trung bình	A	B	
60	13D3010194	Võ Duy	Phước	Nam	05/03/1995	13CD-ĐT2	0	105	105	5.57	Trung bình	A		
61	13D3010100	Phạm Duy	Quý	Nam	23/02/1995	13CD-DT2	0	105	105	6.01	Trung bình		B	
62	13D3010182	Lê Thanh	Quyển	Nam	13/05/1995	13CD-ĐT2	0	105	105	6.55	Trung bình	A	B	
63	13D3010115	Nguyễn Minh	Tân	Nam	11/12/1995	13CD-ĐT2	0	105	105	5.91	Trung bình	A	B	
64	13D3010185	Phan Vũ	Thanh	Nam	06/09/1991	13CD-ĐT2	0	105	105	6.19	Trung bình	A	B	
65	13D3010172	Nguyễn Văn	Tiến	Nam	24/07/1995	13CD-ĐT2	0	105	105	6.99	Trung bình	A	B	
66	13D3010174	Trần Quốc	Trạng	Nam	10/03/1995	13CD-ĐT2	0	105	105	6.47	Trung bình	A	B	
67	13D3010142	Nguyễn Văn	Trình	Nam	07/03/1995	13CD-ĐT2	0	105	105	6.62	Trung bình	A	B	
68	13D3010151	Ngô Phi	Tường	Nam	20/12/1995	13CD-ĐT2	0	105	105	5.73	Trung bình	A	B	
69	13D3010190	Trần Triệu	Vĩ	Nam	03/08/1995	13CD-DT2	0	105	105	5.92	Trung bình	A	B	
70	13D3010158	Võ Tấn	Vũ	Nam	24/03/1994	13CD-DT2	0	105	105	5.81	Trung bình	A	B	
71	13D301D001	Lương Hoàng Thuận	An	Nam	07/11/1994	13CD-D1	0	105	105	6.95	Trung bình	A	B	
72	13D301D149	Đỗ Huỳnh	Bảo	Nam	20/07/1995	13CD-D1	0	105	105	6.40	Trung bình	A	B	
73	13D301D008	Trương Vũ	Bảo	Nam	03/11/1994	13CD-D1	0	105	105	6.87	Trung bình	A	B	
74	13D301D017	Trần Văn	Chinh	Nam	06/10/1995	13CD-D1	0	105	105	5.86	Trung bình	A	B	
75	13D301D020	Trịnh Lê	Cung	Nam	20/08/1995	13CD-D1	0	105	105	5.98	Trung bình	A	B	
76	13D301D033	Trương Văn	Đạt	Nam	10/02/1994	13CD-D1	0	105	105	6.10	Trung bình	A	B	
77	13D301D037	Nguyễn Thành	Đông	Nam	28/02/1995	13CD-D1	0	105	105	5.93	Trung bình	A	B	
78	13D301D024	Trương Công	Duẩn	Nam	06/10/1995	13CD-D1	0	105	105	6.21	Trung bình	A	B	
79	13D301D191	Nguyễn Hiền	Đức	Nam	05/05/1995	13CD-D1	0	105	105	6.23	Trung bình	A	B	
80	13D301D040	Nguyễn Văn	Đức	Nam	03/06/1995	13CD-D1	0	105	105	6.34	Trung bình	A	B	
81	13D301D192	Cao Trùng	Dương	Nam	26/02/1995	13CD-D1	0	105	105	7.53	Khá	A	B	
82	13D301D181	Lâm Văn	Duy	Nam	04/04/1994	13CD-D1	0	105	105	5.76	Trung bình	A	B	
83	13D301D041	Lê Hoàng	Giang	Nam	08/12/1994	13CD-D1	0	105	105	5.73	Trung bình	A	B	
84	13D301D045	Lê Công	Hậu	Nam	03/01/1994	13CD-D1	0	105	105	6.08	Trung bình	A	B	
85	13D301D048	Hồ Văn	Hiệp	Nam	05/05/1995	13CD-D1	0	105	105	6.78	Trung bình	A	B	
86	13D301D049	Lê Minh	Hiếu	Nam	14/07/1995	13CD-D1	0	105	105	5.97	Trung bình	A	B	
87	13D301D053	Nguyễn Ngọc	Hoài	Nam	09/03/1995	13CD-D1	0	105	105	6.63	Trung bình	A	B	
88	13D301D056	Trần Huy	Hoàng	Nam	04/01/1995	13CD-D1	0	105	105	6.25	Trung bình	A	B	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số HP ng	Số tín chỉ toàn khóa	Số tín chỉ tích lũy	Trung bình toàn khóa	Xếp loại TN	ĐÃ CÓ CC TIN HỌC	ĐÃ CÓ CC TIẾNG ANH	GHI CHÚ
89	13D301D057	Trịnh Thanh	Hoàng	Nam	02/10/1994	13CD-Đ1	0	105	105	6.74	Trung bình	A	B	
90	13D301D065	Doãn Lê Xuân	Huy	Nam	13/05/1995	13CD-Đ1	0	105	105	6.15	Trung bình	A	B	
91	13D301D073	Trịnh Đại	Lăng	Nam	31/07/1994	13CD-Đ1	0	105	105	6.00	Trung bình	A	B	
92	13D301D204	Nguyễn Khánh	Linh	Nam	24/04/1995	13CD-Đ1	0	105	105	6.60	Trung bình	A	B	
93	13D301D162	Đỗ Văn	Lượng	Nam	18/03/1995	13CD-Đ1	0	105	105	5.82	Trung bình	A	B	
94	13D301D085	Võ Hoài	Nam	Nam	09/09/1994	13CD-Đ1	0	105	105	6.08	Trung bình	A	B	
95	13D301D089	Nguyễn Hữu	Nghĩa	Nam	29/12/1994	13CD-Đ1	0	105	105	6.11	Trung bình	A	B	
96	13D301D097	Nguyễn Thành	Phát	Nam	23/10/1995	13CD-Đ1	0	105	105	6.65	Trung bình	A	B	
97	13D301D124	Cao Nguyễn Nhật	Tân	Nam	02/12/1995	13CD-D1	0	105	105	6.35	Trung bình	A	B	
98	13D301D136	Trần Minh	Thanh	Nam	07/07/1995	13CD-Đ1	0	105	105	7.69	Khá	A	B	
99	13D301D154	Võ Đức	Trí	Nam	17/08/1995	13CD-Đ1	0	105	105	5.64	Trung bình	A	B	
100	13D301D163	Mai Ngọc	Trước	Nam	07/09/1994	13CD-Đ1	0	105	105	6.62	Trung bình	A	B	
101	13D301D006	Dương Hồng	Bảo	Nam	29/09/1995	13CD-Đ2	0	105	105	6.61	Trung bình	A	B	
102	13D301D010	Trần Đình	Bảy	Nam	06/06/1995	13CD-Đ2	0	105	105	6.16	Trung bình	A	B	
103	13D301D034	Đỗ Văn	Điệp	Nam	03/11/1993	13CD-D2	0	105	105	5.70	Trung bình	A	B	
104	13D301D038	Hàn Minh	Đức	Nam	26/08/1995	13CD-D2	0	105	105	6.90	Trung bình	A	B	
105	13D301D042	Nguyễn Văn	Hà	Nam	23/03/1995	13CD-D2	0	105	105	6.50	Trung bình		B	
106	13D301D054	Nguyễn	Hoàng	Nam	27/12/1995	13CD-D2	0	105	105	6.16	Trung bình		B	
107	13D301D058	Trương Anh	Hoàng	Nam	29/11/1995	13CD-Đ2	0	105	105	6.93	Trung bình		B	
108	13D301D198	Hoàng Chí	Nguyễn	Nam	11/06/1995	13CD-Đ2	0	105	105	5.68	Trung bình		B	
109	13D301D098	Hồ Sỹ	Phong	Nam	06/04/1994	13CD-Đ2	0	105	105	6.32	Trung bình	A	B	
110	13D301D106	Trần Hữu	Phước	Nam	19/06/1995	13CD-Đ2	0	105	105	6.49	Trung bình		B	
111	13D301D128	Lâm Ngọc	Thạch	Nam	23/06/1994	13CD-Đ2	0	105	105	6.52	Trung bình	A	B	
112	13D301D140	Phạm Hoàng	Thiện	Nam	06/11/1995	13CD-D2	0	105	105	6.40	Trung bình		B	
113	13D301D146	Nguyễn Văn	Thuận	Nam	12/08/1995	13CD-Đ2	0	105	105	7.52	Khá	A	B	
114	13D301D155	Hồ Huỳnh	Triệu	Nam	27/10/1995	13CD-Đ2	0	105	105	6.21	Trung bình	A	B	
115	13D301D158	Đỗ Tiến	Trung	Nam	02/01/1994	13CD-Đ2	0	105	105	6.16	Trung bình	A	B	
116	13D301D164	Đàm Quốc	Tú	Nam	10/01/1994	13CD-D2	0	105	105	6.32	Trung bình	A	B	
117	13D301D170	Phan Văn	Tuệ	Nam	05/08/1993	13CD-D2	0	105	105	6.73	Trung bình	A	B	
118	13D301D007	Phạm Văn	Bảo	Nam	26/10/1994	13CD-D3	0	105	105	6.04	Trung bình	A	B	
119	13D301D015	Phan Văn	Chiến	Nam	25/03/1995	13CD-Đ3	0	105	105	6.13	Trung bình	A	B	
120	13D301D043	Nguyễn Khắc Thanh	Hải	Nam	02/09/1995	13CD-Đ3	0	105	105	5.81	Trung bình	A	B	
121	13D301D047	Phương Văn	Hiền	Nam	05/08/1994	13CD-Đ3	0	105	105	6.16	Trung bình	A	B	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số HP nợ	Số tín chỉ toàn khóa	Số tín chỉ tích lũy	Trung bình toàn khóa	Xếp loại TN	ĐÃ CÓ CC TIN HỌC	ĐÃ CÓ CC TIẾNG ANH	GHI CHÚ
122	13D301D051	Hoàng Văn	Hòa	Nam	08/09/1994	13CD-Đ3	0	105	105	6.54	Trung bình	A	B	
123	13D301D059	Phan Văn	Huân	Nam	05/06/1995	13CD-Đ3	0	105	105	5.90	Trung bình	A	B	
124	13D301D067	Nguyễn Công	Khang	Nam	05/09/1995	13CD-Đ3	0	105	105	6.30	Trung bình	A	B	
125	13D301D075	Trần Ngọc	Linh	Nam	08/02/1995	13CD-Đ3	0	105	105	6.07	Trung bình	A	B	
126	13D301D079	Khuong Trung	Long	Nam	22/11/1995	13CD-Đ3	0	105	105	6.13	Trung bình	A	B	
127	13D301D087	Huỳnh Hữu	Nghĩa	Nam	09/12/1995	13CD-Đ3	0	105	105	5.96	Trung bình	A	B	
128	13D301D095	Huỳnh Hoàng	Phát	Nam	19/07/1995	13CD-Đ3	0	105	105	5.95	Trung bình	A	B	
129	13D301D099	Nguyễn Duy	Phong	Nam	03/04/1994	13CD-Đ3	0	105	105	6.29	Trung bình		B	
130	13D301D103	Trần Đăng	Phú	Nam	10/04/1994	13CD-Đ3	0	105	105	7.11	Khá	A	B	
131	13D301D202	Trần Hoàng	Sang	Nam	23/05/1994	13CD-Đ3	0	105	105	6.52	Trung bình	A	B	
132	13D301D119	Lưu Đức	Tài	Nam	01/08/1995	13CD-Đ3	0	105	105	6.86	Trung bình	A	B	
133	13D301D129	Văn Hữu Duy	Thạch	Nam	12/02/1995	13CD-Đ3	0	105	105	5.92	Trung bình	A	B	
134	13D301D151	Đào Văn	Thắng	Nam	16/07/1994	13CD-Đ3	0	105	105	5.84	Trung bình			
135	13D301D197	Đinh Văn	Thành	Nam	17/03/1995	13CD-Đ3	0	105	105	5.94	Trung bình	A	B	
136	13D301D138	Trương Công	Thảo	Nam	12/04/1995	13CD-Đ3	0	105	105	5.71	Trung bình	A	B	
137	13D301D144	Lê Văn	Thuần	Nam	20/06/1995	13CD-Đ3	0	105	105	6.00	Trung bình	A	B	
138	13D301D188	Đặng Ngọc	Tiến	Nam	03/06/1994	13CD-Đ3	0	105	105	6.02	Trung bình	A	B	
139	13D301D147	Lê Minh	Tiến	Nam	14/09/1995	13CD-Đ3	0	105	105	6.05	Trung bình	A	B	
140	13D301D165	Hoàng Thanh	Tú	Nam	07/07/1994	13CD-Đ3	0	105	105	5.57	Trung bình	A	B	
141	13D301D168	Lê Mạnh	Tuấn	Nam	19/11/1995	13CD-Đ3	0	105	105	5.90	Trung bình		B	
142	13D301D183	Trương Hoàng	Tuấn	Nam	20/12/1995	13CD-Đ3	0	105	105	6.00	Trung bình	A	B	
143	13D301D174	Tăng Ngọc	Viên	Nam	20/05/1995	13CD-Đ3	0	105	105	6.07	Trung bình	A	B	
144	13D301D182	Trần Tuấn	Viên	Nam	22/05/1995	13CD-Đ3	0	105	105	6.07	Trung bình	A		
145	13D301D180	Lê Văn	Y	Nam	29/06/1995	13CD-Đ3	0	105	105	6.71	Trung bình	A	B	
146	13D2060001	Trần Ngọc	Anh	Nam	10/10/1994	13CD-NL1	0	105	105	6.60	Trung bình	A	B	
147	13D2060003	Nguyễn Khoa	Bảo	Nam	01/09/1995	13CD-NL1	0	105	105	6.18	Trung bình	A	B	
148	13D2060005	Phạm Quốc	Bình	Nam	11/01/1995	13CD-NL1	0	105	105	6.62	Trung bình	A	B	
149	13D2060007	Võ Thành	Danh	Nam	07/02/1995	13CD-NL1	0	105	105	6.53	Trung bình	A	B	
150	13D2060010	Phạm Tấn	Đại	Nam	01/03/1995	13CD-NL1	0	105	105	6.19	Trung bình	A	B	
151	13D2060012	Võ Trung	Đức	Nam	03/04/1995	13CD-NL1	0	105	105	6.50	Trung bình	A	B	
152	13D2060013	Nguyễn Văn	Gia	Nam	28/03/1988	13CD-NL1	0	105	105	6.62	Trung bình	A	B	
153	13D2060015	Phạm Khắc	Hải	Nam	29/11/1995	13CD-NL1	0	105	105	7.33	Khá	A	B	
154	13D2060016	Lê Trung	Hậu	Nam	29/07/1995	13CD-NL1	0	105	105	6.28	Trung bình	A	B	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số HP nợ	Số tín chỉ toàn khóa	Số tín chỉ tích lũy	Trung bình toàn khóa	Xếp loại TN	DÀ CÓ CC TIN HỌC	DÀ CÓ CC TIẾNG ANH	GHI CHÚ
155	13D2060017	Phan Thị	Hết	Nữ	10/12/1995	13CD-NL1	0	105	105	7.26	Khá		B	
156	13D2060070	Hoàng Trung	Hiếu	Nam	18/10/1995	13CD-NL1	0	105	105	6.41	Trung bình	A	B	
157	13D2060018	Nguyễn Hồng	Hương	Nam	01/02/1994	13CD-NL1	0	105	105	6.24	Trung bình	A	B	
158	13D2060071	Nguyễn Hoàng	Huy	Nam	04/11/1995	13CD-NL1	0	105	105	7.03	Khá	A	B	
159	13D2060022	Trần Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	03/11/1994	13CD-NL1	0	105	105	5.82	Trung bình	A	B	
160	13D2060023	Lại Văn	Khương	Nam	20/02/1995	13CD-NL1	0	105	105	6.54	Trung bình	A	B	
161	13D2060024	Nguyễn Minh	Kí	Nam	09/03/1994	13CD-NL1	0	105	105	6.09	Trung bình		B	
162	13D2060002	Bạch Trung	Kiều	Nam	20/06/1994	13CD-NL1	0	105	105	6.76	Trung bình	A	B	
163	13D2060025	Lê Hoàng	Linh	Nam	29/03/1994	13CD-NL1	0	105	105	6.35	Trung bình	A	B	
164	13D2060029	Nguyễn Ngọc	Mạnh	Nam	17/12/1995	13CD-NL1	0	105	105	6.90	Trung bình	A	B	
165	13D2060030	Nguyễn Tấn	Minh	Nam	18/06/1995	13CD-NL1	0	105	105	6.57	Trung bình	A	B	
166	13D2060033	Phạm Nhật	Nam	Nam	13/02/1995	13CD-NL1	0	105	105	5.96	Trung bình	A	B	
167	13D2060073	Phan Trọng	Nghĩa	Nam	19/10/1995	13CD-NL1	0	105	105	5.82	Trung bình	A	B	
168	13D2060034	Trần Văn	Nghĩa	Nam	15/02/1995	13CD-NL1	0	105	105	6.45	Trung bình	A	B	
169	13D2060038	Liêu Nguyễn	Phát	Nam	18/06/1995	13CD-NL1	0	105	105	6.52	Trung bình	A	B	
170	13D2060039	Lê Hồng	Phi	Nam	27/07/1993	13CD-NL1	0	105	105	6.36	Trung bình	A	B	
171	13D2060041	Nguyễn Văn	Phúc	Nam	07/11/1995	13CD-NL1	0	105	105	6.73	Trung bình	A	B	
172	13D2060042	Hồ Thế	Phy	Nam	03/12/1992	13CD-NL1	0	105	105	6.19	Trung bình	A	B	
173	13D2060044	Hoàng Mạnh	Quân	Nam	22/06/1995	13CD-NL1	0	105	105	6.31	Trung bình	A	B	
174	13D2060047	Võ Thành	Quyên	Nam	11/04/1994	13CD-NL1	0	105	105	6.34	Trung bình	A	B	
175	13D2060049	Đỗ Ngọc	Sịn	Nam	04/02/1995	13CD-NL1	0	105	105	6.01	Trung bình	A	B	
176	13D2060050	Nguyễn Mai Thành	Tâm	Nam	22/09/1995	13CD-NL1	0	105	105	6.14	Trung bình	A	B	
177	13D2060052	Trà Quý	Thắng	Nam	14/05/1993	13CD-NL1	0	105	105	6.25	Trung bình	A	B	
178	13D2060053	Hồ Tấn	Thành	Nam	11/04/1995	13CD-NL1	0	105	105	6.36	Trung bình	A	B	
179	13D2060054	Lê Minh	Thịnh	Nam	21/01/1995	13CD-NL1	0	105	105	6.57	Trung bình	A	B	
180	13D2060055	Lê Song	Thương	Nam	08/03/1995	13CD-NL1	0	105	105	6.22	Trung bình	A	B	
181	13D2060056	Đoàn Hữu	Tiến	Nam	07/03/1995	13CD-NL1	0	105	105	6.29	Trung bình	A	B	
182	13D2060060	Đỗ Duy	Tùng	Nam	06/06/1993	13CD-NL1	0	105	105	5.98	Trung bình	A	B	
183	13D2060062	Đặng Văn	Tuyền	Nam	07/02/1995	13CD-NL1	0	105	105	6.11	Trung bình	A	B	
184	13D2060063	Lê Nguyễn Quốc	Việt	Nam	10/01/1995	13CD-NL1	0	105	105	6.27	Trung bình			
185	13D2060064	Nguyễn Đình	Việt	Nam	10/03/1995	13CD-NL1	0	105	105	5.87	Trung bình	A	B	
186	13D2060066	Nguyễn Hoàng	Vũ	Nam	05/07/1995	13CD-NL1	0	105	105	6.25	Trung bình	A	B	
187	13D2060067	Phạm Trọng	Vũ	Nam	15/09/1995	13CD-NL1	0	105	105	6.05	Trung bình	A	B	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số HP ng	Số tín chỉ toàn khóa	Số tín chỉ tích lũy	Trung bình toàn khóa	Xếp loại TN	DÀ CÓ CC TIN HỌC	DÀ CÓ CC TIẾNG ANH	GHI CHÚ
188	13D2010004	Trương Văn	Án	Nam	11/06/1995	13CD-CK1	0	105	105	5.99	Trung bình	A	B	
189	13D2010005	Trần Đình	Át	Nam	25/05/1995	13CD-CK1	0	105	105	6.04	Trung bình		B	
190	13D2010011	Vòng Đình	Bích	Nam	04/08/1994	13CD-CK1	0	105	105	6.27	Trung bình		B	
191	13D2010012	Nguyễn Trương	Bầu	Nam	26/12/1995	13CD-CK1	0	105	105	6.38	Trung bình		B	
192	13D2010016	Lê Hữu	Chinh	Nam	07/06/1995	13CD-CK1	0	105	105	6.26	Trung bình	A	B	
193	13D2010017	Trần Bảo	Chinh	Nam	08/06/1992	13CD-CK1	0	105	105	6.31	Trung bình		B	
194	13D2010022	Nguyễn Việt	Cường	Nam	19/08/1995	13CD-CK1	0	105	105	6.65	Trung bình	A	B	
195	13D2010030	Vũ Minh	Đặng	Nam	01/04/1995	13CD-CK1	0	105	105	5.88	Trung bình	A	B	
196	13D2010040	Nguyễn Hoài	Đức	Nam	07/07/1995	13CD-CK1	0	105	105	5.82	Trung bình		B	
197	13D2010024	Phạm Hoàng	Dũng	Nam	10/02/1995	13CD-CK1	0	105	105	6.68	Trung bình	A	B	
198	13D2010279	Phạm Ngọc	Duy	Nam	06/08/1994	13CD-CK1	0	105	105	7.00	Khá	A	B	
199	13D2010028	Phạm Vũ	Duy	Nam	30/04/1995	13CD-CK1	0	105	105	7.08	Khá	A	B	
200	13D2010046	Lê Phúc	Hải	Nam	15/06/1995	13CD-CK1	0	105	105	6.11	Trung bình	A	B	
201	13D2010048	Võ Duy	Hải	Nam	30/03/1995	13CD-CK1	0	105	105	6.62	Trung bình	A	B	
202	13D2010054	Nguyễn Văn	Hậu	Nam	15/10/1995	13CD-CK1	0	105	105	5.87	Trung bình	A	B	
203	13D2010058	Mai Xuân	Hiệp	Nam	12/03/1995	13CD-CK1	0	105	105	6.54	Trung bình	A	B	
204	13D2010064	Nguyễn Văn	Hiếu	Nam	09/10/1995	13CD-CK1	0	105	105	6.56	Trung bình	A	B	
205	13D2010066	Nguyễn Văn	Hoài	Nam	04/06/1995	13CD-CK1	0	105	105	6.05	Trung bình	A	B	
206	13D2010082	Trần Quang	Khải	Nam	17/07/1995	13CD-CK1	0	105	105	5.89	Trung bình		B	
207	13D2010088	Trần Minh	Khôi	Nam	20/05/1994	13CD-CK1	0	105	105	6.46	Trung bình	A	B	
208	13D2010093	Nguyễn Tấn	Ky	Nam	10/01/1995	13CD-CK1	0	105	105	5.95	Trung bình	A	B	
209	13D2010111	Mai Tấn	Lượng	Nam	03/10/1995	13CD-CK1	0	105	105	6.02	Trung bình	A	B	
210	13D2010123	Ngô Văn	Năm	Nam	03/08/1994	13CD-CK1	0	105	105	6.19	Trung bình	A	B	
211	13D2010138	Võ Thanh	Nhân	Nam	27/08/1994	13CD-CK1	0	105	105	5.98	Trung bình	A	B	
212	13D2010136	Tô Trọng	Nhân	Nam	10/07/1995	13CD-CK1	0	105	105	6.10	Trung bình	A	B	
213	13D2010143	Nguyễn Văn	Phong	Nam	01/06/1995	13CD-CK1	0	105	105	5.99	Trung bình	A	B	
214	13D2010153	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	04/10/1994	13CD-CK1	0	105	105	5.90	Trung bình	A	B	
215	13D2010158	Đỗ Thành	Phước	Nam	23/07/1995	13CD-CK1	0	105	105	6.47	Trung bình	A	B	
216	13D2010173	Nguyễn	Sáng	Nam	29/07/1994	13CD-CK1	0	105	105	6.19	Trung bình	A	B	
217	13D2010183	Hoàng Nhật	Tân	Nam	02/11/1995	13CD-CK1	0	105	105	6.06	Trung bình	A	B	
218	13D2010188	Dương Hải	Thắng	Nam	10/06/1994	13CD-CK1	0	105	105	6.30	Trung bình	A	B	
219	13D2010193	Nguyễn Tấn	Thành	Nam	12/01/1995	13CD-CK1	0	105	105	6.38	Trung bình		B	
220	12D2010163	Hồ Hoàng	Thiện	Nam	19/10/1994	13CD-CK1	0	105	105	6.32	Trung bình			

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số HP nợ	Số tín chỉ toàn khóa	Số tín chỉ tích lũy	Trung bình toàn khóa	Xếp loại TN	ĐÃ CÓ CC TIN HỌC	ĐÃ CÓ CC TIẾNG ANH	GHI CHÚ
221	13D2010203	Nguyễn Phùng	Thịnh	Nam	04/05/1995	13CD-CK1	0	105	105	6.50	Trung bình	A	B	
222	13D2010208	Trần Văn Minh	Thông	Nam	05/06/1995	13CD-CK1	0	105	105	6.00	Trung bình	A	B	
223	13D2010211	Nguyễn Văn	Thuận	Nam	12/09/1994	13CD-CK1	0	105	105	5.93	Trung bình	A	B	
224	13D2010218	Nguyễn Xuân	Tiên	Nam	15/02/1995	13CD-CK1	0	105	105	6.38	Trung bình	A	B	
225	13D2010223	Nguyễn Trọng	Tin	Nam	15/12/1995	13CD-CK1	0	105	105	6.54	Trung bình	A	B	
226	13D2010227	Nguyễn Văn	Trao	Nam	24/06/1994	13CD-CK1	0	105	105	6.04	Trung bình	A	B	
227	13D2010228	Đỗ Thượng	Tri	Nam	26/11/1994	13CD-CK1	0	105	105	6.28	Trung bình	A	B	
228	13D2010233	Đặng Quốc	Trung	Nam	07/09/1995	13CD-CK1	0	105	105	6.25	Trung bình	A	B	
229	13D2010238	Lê Ngọc Vũ	Trường	Nam	27/07/1995	13CD-CK1	0	105	105	6.30	Trung bình	A	B	
230	13D2010243	Võ Trần Nhật	Tử	Nam	21/01/1995	13CD-CK1	0	105	105	5.86	Trung bình	A	B	
231	13D2010253	Bùi Văn	Ty	Nam	23/10/1995	13CD-CK1	0	105	105	6.46	Trung bình	A	B	
232	13D2010258	Nguyễn Quang	Vinh	Nam	15/09/1995	13CD-CK1	0	105	105	6.75	Trung bình	A	B	
233	13D2010001	Huỳnh Trần Công	An	Nam	08/09/1995	13CD-CK2	0	105	105	6.05	Trung bình	A	B	
234	13D2010007	Đinh Quốc	Bảo	Nam	17/08/1995	13CD-CK2	0	105	105	6.08	Trung bình	A	B	
235	13D2010013	Trần Hữu	Cảnh	Nam	24/08/1995	13CD-CK2	0	105	105	6.05	Trung bình	A	B	
236	13D2010019	Nguyễn Ngọc	Chương	Nam	04/10/1994	13CD-CK2	0	105	105	7.29	Khá	A	B	
237	13D2010035	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	10/07/1995	13CD-CK2	0	105	105	6.40	Trung bình	A	B	
238	13D2010037	Phạm Hữu	Đạt	Nam	12/07/1994	13CD-CK2	0	105	105	6.00	Trung bình	A	B	
239	13D2010043	Trần Anh	Được	Nam	06/10/1994	13CD-CK2	0	105	105	6.22	Trung bình	A	B	
240	13D2010025	Đỗ Trương	Dương	Nam	28/05/1995	13CD-CK2	0	105	105	6.76	Trung bình	A	B	
241	13D2010047	Nguyễn Công	Hải	Nam	20/04/1995	13CD-CK2	0	105	105	5.97	Trung bình	A	B	
242	13D2010275	Nguyễn Văn	Hải	Nam	06/09/1994	13CD-CK2	0	105	105	7.01	Khá	A	B	
243	13D2010049	Võ Ngọc	Hải	Nam	24/02/1995	13CD-CK2	0	105	105	6.04	Trung bình	A	B	
244	13D2010055	Lê Thái	Hiền	Nam	04/05/1995	13CD-CK2	0	105	105	5.57	Trung bình	A	B	
245	13D2010061	Nguyễn Hoàng	Hiếu	Nam	13/04/1995	13CD-CK2	0	105	105	6.33	Trung bình	A	B	
246	13D2010067	Trương Công	Hoài	Nam	18/04/1995	13CD-CK2	0	105	105	6.20	Trung bình		B	
247	13D2010079	Nguyễn Phát	Huy	Nam	25/05/1994	13CD-CK2	0	105	105	6.19	Trung bình	A	B	
248	13D2010087	Trần Ngọc	Khoa	Nam	30/09/1993	13CD-CK2	0	105	105	6.59	Trung bình	A	B	
249	13D2010094	Trương Thanh	Kỳ	Nam	26/11/1995	13CD-CK2	0	105	105	6.12	Trung bình		B	
250	13D2010099	Lương Tấn	Linh	Nam	27/02/1995	13CD-CK2	0	105	105	6.17	Trung bình	A	B	
251	13D2010107	Nghiêm Bảo	Long	Nam	28/08/1995	13CD-CK2	0	105	105	6.62	Trung bình	A	B	
252	13D2010109	Trần Duy	Luân	Nam	12/10/1995	13CD-CK2	0	105	105	5.95	Trung bình	A	B	
253	13D2010112	Nguyễn Hữu	Lý	Nam	20/11/1995	13CD-CK2	0	105	105	5.91	Trung bình		B	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số HP nợ	Số tín chỉ toàn khóa	Số tín chỉ tích lũy	Trung bình toàn khóa	Xếp loại TN	ĐÃ CÓ CC TIN HỌC	ĐÃ CÓ CC TIẾNG ANH	GHI CHÚ
254	13D2010122	Hoàng Sỹ	Nam	Nam	02/03/1995	13CD-CK2	0	105	105	7.20	Khá	A	B	
255	13D2010129	Phạm Văn	Nguyễn	Nam	20/11/1995	13CD-CK2	0	105	105	6.21	Trung bình	A	B	
256	13D2010139	Đặng Nguyễn Hoài	Ninh	Nam	08/12/1995	13CD-CK2	0	105	105	6.09	Trung bình	A	B	
257	13D2010144	Nguyễn Văn	Phong	Nam	03/06/1995	13CD-CK2	0	105	105	6.39	Trung bình	A	B	
258	13D2010147	Hán Văn	Phú	Nam	20/11/1994	13CD-CK2	0	105	105	6.47	Trung bình	A	B	
259	13D2010149	Trần Thanh	Phú	Nam	19/11/1995	13CD-CK2	0	105	105	5.95	Trung bình	A	B	
260	13D2010157	Đỗ Hữu	Phước	Nam	17/09/1994	13CD-CK2	0	105	105	7.86	Khá	A	B	
261	13D2010174	Nguyễn Thanh	Sang	Nam	26/01/1995	13CD-CK2	0	105	105	6.44	Trung bình		B	
262	13D2010219	Huỳnh Quang	Thắng	Nam	06/06/1995	13CD-CK2	0	105	105	6.46	Trung bình	A	B	
263	13D2010199	Đinh Xuân	Thiện	Nam	06/08/1995	13CD-CK2	0	105	105	5.96	Trung bình	A	B	
264	13D2010204	Phạm Công	Thịnh	Nam	05/10/1995	13CD-CK2	0	105	105	5.52	Trung bình	A	B	
265	13D2010209	Phan Vũ	Thư	Nam	22/01/1994	13CD-CK2	0	105	105	5.59	Trung bình		B	
266	13D2010214	Võ Duy	Thuyền	Nam	10/10/1995	13CD-CK2	0	105	105	6.64	Trung bình	A	B	
267	13D2010070	Phạm Hoàng	Tiến	Nam	31/03/1995	13CD-CK2	0	105	105	5.56	Trung bình		B	
268	13D2010224	Trần Chánh	Tín	Nam	06/04/1995	13CD-CK2	0	105	105	5.69	Trung bình	A	B	
269	13D2010229	Lê Minh	Trí	Nam	09/07/1995	13CD-CK2	0	105	105	5.68	Trung bình	A	B	
270	13D2010234	Hồ Văn	Trung	Nam	15/08/1994	13CD-CK2	0	105	105	6.11	Trung bình	A	B	
271	13D2010239	Lê Nhật	Trường	Nam	01/06/1995	13CD-CK2	0	105	105	5.70	Trung bình	A	B	
272	13D2010249	Danh	Tùng	Nam	29/06/1995	13CD-CK2	0	105	105	6.61	Trung bình	A	B	
273	13D2010254	Nguyễn Tấn	Viên	Nam	14/08/1995	13CD-CK2	0	105	105	5.92	Trung bình	A		
274	13D2010259	Phan Thanh	Vinh	Nam	13/09/1994	13CD-CK2	0	105	105	5.85	Trung bình		B	
275	13D2010002	Bùi Thiên	Ân	Nam	28/07/1995	13CD-CK3	0	105	105	6.07	Trung bình	A		
276	13D2010014	Trương Ngọc	Chánh	Nam	21/04/1994	13CD-CK3	0	105	105	5.83	Trung bình		B	
277	13D2010020	Võ Duy	Công	Nam	25/07/1994	13CD-CK3	0	105	105	5.71	Trung bình	A	B	
278	13D2010266	Lê Đức	Hậu	Nam	14/03/1995	13CD-CK3	0	105	105	5.81	Trung bình	A	B	
279	13D2010056	Nguyễn Thái	Hiền	Nam	02/01/1995	13CD-CK3	0	105	105	5.80	Trung bình	A		
280	13D2010060	Lê Văn	Hiếu	Nam	18/07/1995	13CD-CK3	0	105	105	5.58	Trung bình	A	B	
281	13D2010068	Nguyễn Thành	Hoan	Nam	19/11/1995	13CD-CK3	0	105	105	5.56	Trung bình	A	B	
282	13D2010077	Nguyễn Phước	Hưng	Nam	05/05/1994	13CD-CK3	0	105	105	6.04	Trung bình	A	B	
283	13D2010283	Ngô Quý	Huỳnh	Nam	14/07/1995	13CD-CK3	0	105	105	6.28	Trung bình	A	B	
284	13D2010080	Đỗ Linh	Kha	Nam	12/12/1994	13CD-CK3	0	105	105	6.10	Trung bình			
285	13D2010085	Lê Quốc	Khánh	Nam	02/09/1994	13CD-CK3	0	105	105	5.90	Trung bình	A		
286	13D2010095	Võ Quý	Kỳ	Nam	29/10/1995	13CD-CK3	0	105	105	6.32	Trung bình	A	B	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số HP ng	Số tín chỉ toàn khóa	Số tín chỉ tích lũy	Trung bình toàn khóa	Xếp loại TN	ĐÃ CÓ CC TIN HỌC	ĐÃ CÓ CC TIẾNG ANH	GHI CHÚ
287	13D2010100	Nguyễn Hoàng	Linh	Nam	09/12/1995	13CD-CK3	0	105	105	5.89	Trung bình	A	B	
288	13D2010115	Nguyễn Văn	Mạnh	Nam	10/12/1995	13CD-CK3	0	105	105	6.28	Trung bình	A	B	
289	13D2010120	Bế Ngọc Hoàng	Nam	Nam	29/03/1995	13CD-CK3	0	105	105	6.47	Trung bình	A		
290	13D2010145	Phạm Huỳnh Nga	Phong	Nam	06/10/1994	13CD-CK3	0	105	105	5.82	Trung bình		B	
291	13D2010150	Võ Văn	Phú	Nam	20/07/1995	13CD-CK3	0	105	105	5.73	Trung bình	A	B	
292	13D2010160	Lê Minh	Phương	Nam	01/12/1995	13CD-CK3	0	105	105	6.22	Trung bình	A	B	
293	13D2010292	Cát Văn	Quân	Nam	08/06/1995	13CD-CK3	0	105	105	5.91	Trung bình		B	
294	13D2010165	Đỗ Hoàng	Quy	Nam	06/06/1995	13CD-CK3	0	105	105	5.77	Trung bình	A	B	
295	13D2010167	Nguyễn Thành	Quý	Nam	14/10/1995	13CD-CK3	0	105	105	6.44	Trung bình	A	B	
296	13D2010170	Cáp Minh	Quyên	Nam	20/02/1995	13CD-CK3	0	105	105	6.04	Trung bình		B	
297	13D2010175	Doãn	Sĩ	Nam	11/11/1994	13CD-CK3	0	105	105	6.36	Trung bình	A	B	
298	13D2010177	Trần Đình	Sơn	Nam	10/04/1995	13CD-CK3	0	105	105	5.94	Trung bình	A	B	
299	13D2010187	Lê Quang	Thái	Nam	18/03/1995	13CD-CK3	0	105	105	6.48	Trung bình	A	B	
300	13D2010195	Nguyễn Văn Chí	Thanh	Nam	21/03/1995	13CD-CK3	0	105	105	6.18	Trung bình	A	B	
301	13D2010200	Nguyễn	Thiện	Nam	06/08/1995	13CD-CK3	0	105	105	5.76	Trung bình	A	B	
302	13D2010268	Võ Hoàng	Thiện	Nam	21/07/1995	13CD-CK3	0	105	105	6.21	Trung bình	A	B	
303	13D2010202	Lê Đình	Thịnh	Nam	02/08/1994	13CD-CK3	0	105	105	5.85	Trung bình	A	B	
304	13D2010265	Nguyễn Duy	Thuận	Nam	26/06/1995	13CD-CK3	0	105	105	6.22	Trung bình	A	B	
305	13D2010245	Huỳnh Văn	Tuấn	Nam	15/11/1994	13CD-CK3	0	105	105	6.20	Trung bình	A	B	
306	13D2010250	Nguyễn Thanh	Tương	Nam	10/09/1995	13CD-CK3	0	105	105	6.58	Trung bình	A	B	
307	13D2010260	Từ Quang	Vinh	Nam	27/07/1995	13CD-CK3	0	105	105	6.00	Trung bình	A		
308	13D2010003	Nguyễn Hồng	Ân	Nam	28/12/1995	13CD-CK4	0	105	105	6.20	Trung bình	A	B	
309	13D2010009	Trần Đình	Bảo	Nam	16/07/1995	13CD-CK4	0	105	105	6.61	Trung bình	A	B	
310	13D2010033	Lê Minh	Đạt	Nam	20/08/1994	13CD-CK4	0	105	105	6.30	Trung bình	A	B	
311	13D2010045	Nguyễn Hữu	Gìn	Nam	19/07/1995	13CD-CK4	0	105	105	6.74	Trung bình	A	B	
312	13D2010051	Huỳnh Văn	Hạnh	Nam	10/04/1995	13CD-CK4	0	105	105	6.98	Trung bình	A	B	
313	13D2010081	Nguyễn Thành	Kha	Nam	26/05/1995	13CD-CK4	0	105	105	6.13	Trung bình	A	B	
314	13D2010086	Nguyễn Đan	Khoa	Nam	10/10/1995	13CD-CK4	0	105	105	5.81	Trung bình		B	
315	13D2010091	Nguyễn Sỹ	Kiên	Nam	07/01/1995	13CD-CK4	0	105	105	5.99	Trung bình	A	B	
316	13D2010096	Lê Hoàng	Lâm	Nam	16/04/1995	13CD-CK4	0	105	105	6.45	Trung bình	A	B	
317	13D2010101	Nguyễn Ngọc	Linh	Nam	10/08/1993	13CD-CK4	0	105	105	5.98	Trung bình	A	B	
318	13D2010121	Châu Hoài	Nam	Nam	29/11/1994	13CD-CK4	0	105	105	6.48	Trung bình	A	B	
319	13D2010126	Võ Thành	Nghĩa	Nam	17/06/1994	13CD-CK4	0	105	105	7.72	Khá	A	B	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số HP ng	Số tín chỉ toàn khóa	Số tín chỉ tích lũy	Trung bình toán khóa	Xếp loại TN	ĐÃ CÓ CC TIN HỌC	ĐÃ CÓ CC TIẾNG ANH	GHI CHÚ
320	13D2010131	Huỳnh Văn	Nhân	Nam	27/03/1995	13CD-CK4	0	105	105	5.85	Trung bình		B	
321	13D2010133	Nguyễn Ngọc	Nhân	Nam	20/02/1992	13CD-CK4	0	105	105	7.56	Khá	A	B	
322	13D2010156	Trương Hoàng	Phục	Nam	11/06/1995	13CD-CK4	0	105	105	6.19	Trung bình	A	B	
323	13D2010286	Đặng Văn	Quang	Nam	03/09/1994	13CD-CK4	0	105	105	6.32	Trung bình			
324	13D2010186	Nguyễn Văn	Thạch	Nam	07/03/1995	13CD-CK4	0	105	105	6.04	Trung bình		B	
325	13D2010294	Tôn Đức	Thăng	Nam	03/10/1994	13CD-CK4	0	105	105	5.62	Trung bình	A	B	
326	13D2010196	Phùng Hữu	Thanh	Nam	27/10/1995	13CD-CK4	0	105	105	5.58	Trung bình	A	B	
327	13D2010191	Ngô Hoàng	Thành	Nam	30/05/1995	13CD-CK4	0	105	105	6.12	Trung bình	A	B	
328	13D2010206	Nguyễn Quang	Thom	Nam	20/08/1994	13CD-CK4	0	105	105	6.68	Trung bình	A	B	
329	13D2010216	Lê Minh	Tiến	Nam	24/11/1994	13CD-CK4	0	105	105	5.53	Trung bình		B	
330	13D2010226	Trần Minh	Toàn	Nam	28/08/1994	13CD-CK4	0	105	105	5.95	Trung bình	A	B	
331	13D2010269	Chê Quang	Triệu	Nam	05/11/1994	13CD-CK4	0	105	105	6.53	Trung bình	A	B	
332	13D2010232	Nguyễn Ngọc	Triệu	Nam	16/06/1995	13CD-CK4	0	105	105	5.97	Trung bình	A	B	
333	13D2010236	Võ Hoàng	Trung	Nam	02/10/1995	13CD-CK4	0	105	105	5.77	Trung bình		B	
334	13D2010248	Trần Quốc	Tuấn	Nam	13/03/1995	13CD-CK4	0	105	105	6.29	Trung bình	A	B	
335	13D2010039	Hoàng Kim	Tùng	Nam	10/08/1995	13CD-CK4	0	105	105	6.06	Trung bình	A	B	
336	13D2010256	Trần Văn Đại	Việt	Nam	15/07/1995	13CD-CK4	0	105	105	6.64	Trung bình	A	B	
337	13D2010261	Nguyễn Anh	Vũ	Nam	15/02/1995	13CD-CK4	0	105	105	6.94	Trung bình	A	B	
338	13D2010262	Nguyễn Trần Tuấn	Vũ	Nam	23/09/1995	13CD-CK4	0	105	105	5.87	Trung bình	A	B	
339	13D2010281	Nguyễn Đình	Ý	Nam	23/01/1995	13CD-CK4	0	105	105	5.72	Trung bình		B	
340	13D2050293	Đặng Trần Hoàng	Ân	Nam	17/07/1995	13CD-Ô1	0	105	105	7.09	Khá	A	B	
341	13D2050002	Hồ Tuấn	Anh	Nam	10/08/1994	13CD-Ô1	0	105	105	6.67	Trung bình	A	B	
342	13D2050006	Lê Vạn	Bảo	Nam	24/02/1995	13CD-Ô1	0	105	105	6.54	Trung bình	A	B	
343	13D2050007	Dương Văn	Bình	Nam	04/10/1993	13CD-Ô1	0	105	105	5.95	Trung bình	A	B	
344	13D2050008	Ngô Xuân	Bình	Nam	18/02/1993	13CD-Ô1	0	105	105	6.07	Trung bình	A	B	
345	13D2050011	Đặng Minh	Châu	Nam	29/11/1995	13CD-Ô1	0	105	105	5.79	Trung bình	A	B	
346	13D2050294	Nguyễn Đình Quốc	Cường	Nam	17/10/1995	13CD-Ô1	0	105	105	6.09	Trung bình	A	B	
347	13D2050013	Nguyễn Mạnh	Cường	Nam	07/05/1995	13CD-Ô1	0	105	105	6.34	Trung bình	A	B	
348	13D2050031	Lê Vũ	Đại	Nam	08/08/1993	13CD-Ô1	0	105	105	7.05	Khá	A	B	
349	13D2050041	Nguyễn Hữu	Đức	Nam	12/02/1994	13CD-Ô1	0	105	105	6.51	Trung bình	A	B	
350	13D2050042	Nguyễn Văn	Đức	Nam	12/07/1995	13CD-Ô1	0	105	105	6.39	Trung bình	A		
351	13D2050022	Lê Triệu	Dương	Nam	04/11/1995	13CD-Ô1	0	105	105	6.53	Trung bình	A	B	
352	13D2050023	Võ Đại	Dương	Nam	13/03/1995	13CD-Ô1	0	105	105	5.90	Trung bình	A	B	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số HP nợ	Số tín chỉ toàn khóa	Số tín chỉ tích lũy	Trung bình toàn khóa	Xếp loại TN	ĐÃ CÓ CC TIN HỌC	ĐÃ CÓ CC TIẾNG ANH	GHI CHÚ
353	13D2050027	Tạ Quốc	Duy	Nam	01/08/1995	13CD-Ô1	0	105	105	5.98	Trung bình	A	B	
354	13D2050052	Trần Trọng	Hân	Nam	05/03/1995	13CD-Ô1	0	105	105	6.31	Trung bình	A	B	
355	13D2050058	Nguyễn Chí	Hào	Nam	10/07/1995	13CD-Ô1	0	105	105	6.36	Trung bình	A	B	
356	13D2050062	Lư Trung	Hậu	Nam	05/11/1995	13CD-Ô1	0	105	105	6.01	Trung bình	A	B	
357	13D2050307	Nguyễn Đức	Hậu	Nam	11/03/1995	13CD-Ô1	0	105	105	6.32	Trung bình	A	B	
358	13D2050304	Nguyễn Minh	Hiến	Nam	16/07/1995	13CD-Ô1	0	105	105	6.44	Trung bình	A	B	
359	13D2050067	Trần Nguyễn	Hiệp	Nam	19/10/1994	13CD-Ô1	0	105	105	5.84	Trung bình	A	B	
360	13D2050068	Giáp Văn	Hiếu	Nam	10/09/1994	13CD-Ô1	0	105	105	7.32	Khá	A	B	
361	13D2050306	Trần Ngọc	Hồ	Nam	21/02/1994	13CD-Ô1	0	105	105	6.21	Trung bình		B	
362	13D2050072	Đỗ Văn	Hóa	Nam	25/12/1995	13CD-Ô1	0	105	105	6.08	Trung bình	A		
363	13D2050290	Đoàn Hữu	Hòa	Nam	14/04/1995	13CD-Ô1	0	105	105	6.42	Trung bình	A	B	
364	13D2050073	Nguyễn Minh	Hoàng	Nam	01/08/1995	13CD-Ô1	0	105	105	6.24	Trung bình		B	
365	13D2050077	Lê Văn	Hưng	Nam	01/01/1995	13CD-Ô1	0	105	105	6.10	Trung bình	A		
366	13D2050081	Bùi Quang	Huy	Nam	28/12/1995	13CD-Ô1	0	105	105	5.78	Trung bình	A	B	
367	13D2050086	Trần Hữu	Huy	Nam	18/03/1995	13CD-Ô1	0	105	105	6.44	Trung bình	A	B	
368	13D2050087	Trần Mạnh	Huy	Nam	10/09/1995	13CD-Ô1	0	105	105	6.49	Trung bình	A	B	
369	13D2050091	Nguyễn Dương	Khang	Nam	24/09/1995	13CD-Ô1	0	105	105	5.92	Trung bình	A	B	
370	13D2050276	Nguyễn Văn	Lợi	Nam	12/02/1995	13CD-Ô1	0	105	105	6.60	Trung bình	A	B	
371	13D2050103	Đinh Hoàng	Long	Nam	28/07/1995	13CD-Ô1	0	105	105	5.94	Trung bình	A	B	
372	13D2050108	Nguyễn Phi	Long	Nam	06/03/1994	13CD-Ô1	0	105	105	5.95	Trung bình	A	B	
373	13D2050110	Trần Ngọc	Long	Nam	14/06/1995	13CD-Ô1	0	105	105	6.39	Trung bình	A	B	
374	13D2050266	Bùi Xuân	Nam	Nam	08/04/1995	13CD-Ô1	0	105	105	5.97	Trung bình	A	B	
375	13D2050141	Trần Duy	Nhút	Nam	15/12/1995	13CD-Ô1	0	105	105	6.39	Trung bình	A	B	
376	13D2050151	Mai Hữu	Phước	Nam	29/12/1994	13CD-Ô1	0	105	105	6.71	Trung bình	A	B	
377	13D2050156	Nguyễn Hoàng	Quân	Nam	25/12/1995	13CD-Ô1	0	105	105	6.66	Trung bình	A	B	
378	13D2050157	Chế Vinh	Quang	Nam	27/06/1995	13CD-Ô1	0	105	105	6.15	Trung bình	A	B	
379	13D2050161	Trần	Quý	Nam	21/07/1994	13CD-Ô1	0	105	105	6.16	Trung bình	A	B	
380	13D2050166	Huỳnh Văn	Sinh	Nam	12/11/1995	13CD-Ô1	0	105	105	6.37	Trung bình	A	B	
381	13D2050171	Nguyễn Minh	Tâm	Nam	05/05/1994	13CD-Ô1	0	105	105	5.95	Trung bình	A	B	
382	13D2050181	Trần Việt	Thắng	Nam	02/01/1994	13CD-Ô1	0	105	105	6.47	Trung bình	A	B	
383	13D2050201	Trần Kim	Thông	Nam	08/04/1995	13CD-Ô1	0	105	105	6.35	Trung bình	A	B	
384	13D2050211	Phạm Minh	Tiến	Nam	01/01/1995	13CD-Ô1	0	105	105	5.83	Trung bình	A	B	
385	13D2050216	Lương Văn	Tĩnh	Nam	01/01/1995	13CD-Ô1	0	105	105	6.12	Trung bình	A	B	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số HP ng	Số tín chỉ toàn khóa	Số tín chỉ tích lũy	Trung bình toàn khóa	Xếp loại TN	ĐÃ CÓ CC TIN HỌC	ĐÃ CÓ CC TIẾNG ANH	GHI CHÚ
386	12D2050084	Nguyễn Minh	Trí	Nam	01/09/1994	13CD-Ô1	0	105	105	6.21	Trung bình	A	B	
387	13D2050286	Lê Văn	Trọng	Nam	06/06/1995	13CD-Ô1	0	105	105	6.68	Trung bình	A	B	
388	13D2050226	Nguyễn Đức	Trọng	Nam	15/08/1995	13CD-Ô1	0	105	105	6.03	Trung bình	A	B	
389	13D2050288	Phan Đoàn Anh	Tuấn	Nam	07/08/1994	13CD-Ô1	0	105	105	6.10	Trung bình	A	B	
390	13D2050275	Phạm	Tuyền	Nam	15/03/1995	13CD-Ô1	0	105	105	6.53	Trung bình	A	B	
391	13D2050251	Nguyễn Hoàng	Việt	Nam	28/12/1995	13CD-Ô1	0	105	105	5.84	Trung bình	A	B	
392	13D2050029	Phạm Hải	Dăng	Nam	15/08/1995	13CD-Ô2	0	105	105	6.77	Trung bình	A	B	
393	13D2050033	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	13/09/1995	13CD-Ô2	0	105	105	5.75	Trung bình	A	B	
394	13D2050019	Hồ Chí	Dũng	Nam	12/10/1995	13CD-Ô2	0	105	105	6.70	Trung bình	A	B	
395	13D2050024	Đào Minh	Duy	Nam	12/06/1995	13CD-Ô2	0	105	105	6.44	Trung bình	A	B	
396	13D2050267	Nguyễn Thái	Duy	Nam	20/08/1995	13CD-Ô2	0	105	105	6.20	Trung bình	A	B	
397	13D2050049	Nguyễn Phúc	Hải	Nam	22/03/1995	13CD-Ô2	0	105	105	6.67	Trung bình	A	B	
398	13D2050064	Trương Khánh	Hậu	Nam	01/07/1995	13CD-Ô2	0	105	105	6.47	Trung bình	A	B	
399	13D2050069	La Xuân	Hiếu	Nam	11/01/1995	13CD-Ô2	0	105	105	6.43	Trung bình	A	B	
400	13D2050279	Đỗ Minh	Hòa	Nam	21/02/1995	13CD-Ô2	0	105	105	6.47	Trung bình	A	B	
401	13D2050074	Nguyễn Văn	Hoàng	Nam	30/10/1994	13CD-Ô2	0	105	105	6.09	Trung bình	A	B	
402	13D2050084	Nguyễn Đức	Huy	Nam	03/10/1995	13CD-Ô2	0	105	105	6.74	Trung bình	A	B	
403	13D2050089	Võ Ngọc Hoàng	Huy	Nam	30/11/1995	13CD-Ô2	0	105	105	6.54	Trung bình	A	B	
404	12D2050032	Vũ Đức	Huy	Nam	16/12/1994	13CD-Ô2	0	105	105	7.64	Khá	A	B	
405	13D2050093	Nguyễn Anh	Khoa	Nam	08/10/1995	13CD-Ô2	0	105	105	5.94	Trung bình	A	B	
406	13D2050109	Tăng Mộng	Long	Nam	20/09/1992	13CD-Ô2	0	105	105	7.62	Khá		B	
407	13D2050112	Nguyễn Văn	Lượng	Nam	03/05/1994	13CD-Ô2	0	105	105	6.03	Trung bình	A	B	
408	13D2050122	Phan Vĩnh	Ngà	Nam	10/01/1992	13CD-Ô2	0	105	105	5.98	Trung bình	A	B	
409	13D2050124	Lê Đức	Nghĩa	Nam	15/07/1995	13CD-Ô2	0	105	105	6.46	Trung bình	A	B	
410	13D2050281	Trần Trọng	Nghĩa	Nam	12/08/1995	13CD-Ô2	0	105	105	6.23	Trung bình	A	B	
411	13D2050128	Trần Văn Phương	Ngọc	Nam	30/10/1995	13CD-Ô2	0	105	105	6.26	Trung bình		B	
412	13D2050144	Lê Quang	Phi	Nam	18/10/1995	13CD-Ô2	0	105	105	6.38	Trung bình	A	B	
413	13D2050147	Nguyễn Dương Hoàng	Phúc	Nam	14/06/1995	13CD-Ô2	0	105	105	6.62	Trung bình	A	B	
414	13D2050282	Nguyễn Mạnh	Phuong	Nam	20/08/1994	13CD-Ô2	0	105	105	6.35	Trung bình	A	B	
415	13D2050154	Nguyễn Văn	Pít	Nam	19/06/1993	13CD-Ô2	0	105	105	6.16	Trung bình	A	B	
416	13D2050159	Nguyễn Đức	Quý	Nam	14/02/1994	13CD-Ô2	0	105	105	6.07	Trung bình	A	B	
417	13D2050164	Phan Văn	Sang	Nam	28/06/1995	13CD-Ô2	0	105	105	6.44	Trung bình	A	B	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số HP ng	Số tín chỉ toàn khóa	Số tín chỉ tích lũy	Trung bình toàn khóa	Xếp loại TN	ĐÃ CÓ CC TIN HỌC	ĐÃ CÓ CC TIẾNG ANH	GHI CHÚ
418	13D2050167	Lê Hồng	Sơn	Nam	02/05/1993	13CD-Ô2	0	105	105	6.37	Trung bình	A	B	
419	13D2050169	Nguyễn Ngọc	Tài	Nam	01/08/1995	13CD-Ô2	0	105	105	6.10	Trung bình	A		
420	13D2050172	Phùng Văn	Tâm	Nam	10/05/1995	13CD-Ô2	0	105	105	6.77	Trung bình	A	B	
421	13D2050178	Lưu Công	Thắng	Nam	22/07/1995	13CD-Ô2	0	105	105	6.61	Trung bình		B	
422	13D2050206	Thượng Công	Thức	Nam	01/01/1995	13CD-Ô2	0	105	105	6.21	Trung bình	A	B	
423	13D2050209	Trần Văn	Thương	Nam	27/09/1995	13CD-Ô2	0	105	105	6.20	Trung bình	A	B	
424	13D2050219	Nguyễn Văn	Toàn	Nam	09/11/1995	13CD-Ô2	0	105	105	6.74	Trung bình	A	B	
425	13D2050224	Nguyễn Quốc	Triệu	Nam	02/08/1994	13CD-Ô2	0	105	105	6.14	Trung bình	A	B	
426	13D2050229	Nguyễn Thành	Trung	Nam	20/02/1995	13CD-Ô2	0	105	105	5.93	Trung bình	A	B	
427	13D2050249	Nguyễn Công	Vĩ	Nam	01/10/1995	13CD-Ô2	0	105	105	6.29	Trung bình	A	B	
428	13D2050254	Huỳnh Lê	Vinh	Nam	27/06/1995	13CD-Ô2	0	105	105	6.22	Trung bình	A	B	
429	13D2050257	Trịnh Văn	Vinh	Nam	01/02/1995	13CD-Ô2	0	105	105	6.52	Trung bình	A	B	
430	13D2050005	Lê Minh	Bằng	Nam	03/06/1995	13CD-Ô3	0	105	105	5.89	Trung bình	A	B	
431	13D2050015	Phạm Quốc	Cường	Nam	16/12/1995	13CD-Ô3	0	105	105	6.48	Trung bình	A	B	
432	13D2050305	Trần Việt	Dũng	Nam	01/04/1994	13CD-Ô3	0	105	105	7.87	Khá	A	B	
433	13D2050025	Nguyễn Tấn	Duy	Nam	02/10/1995	13CD-Ô3	0	105	105	6.10	Trung bình	A	B	
434	13D2050050	Nguyễn Tịnh	Hải	Nam	15/09/1995	13CD-Ô3	0	105	105	6.12	Trung bình	A	B	
435	13D2050060	Trần Đức	Hào	Nam	02/11/1993	13CD-Ô3	0	105	105	5.81	Trung bình	A	B	
436	13D0030051	Lê Đức	Huy	Nam	13/01/1993	13CD-Ô3	0	105	105	5.84	Trung bình	A	B	
437	13D2050090	Lê Tuấn	Khải	Nam	01/09/1995	13CD-Ô3	0	105	105	5.96	Trung bình			
438	13D2050095	Bùi Vũ	Khoan	Nam	15/11/1994	13CD-Ô3	0	105	105	5.75	Trung bình	A	B	
439	13D2050099	Nguyễn Thanh	Linh	Nam	18/08/1995	13CD-Ô3	0	105	105	6.14	Trung bình	A	B	
440	13D2050125	Lê Hữu	Nghĩa	Nam	20/06/1995	13CD-Ô3	0	105	105	5.87	Trung bình	A	B	
441	13D2050140	Lê Văn	Nhuông	Nam	26/12/1995	13CD-Ô3	0	105	105	6.13	Trung bình	A	B	
442	13D2050155	Lê Văn	Quân	Nam	10/10/1995	13CD-Ô3	0	105	105	6.66	Trung bình	A	B	
443	13D2050158	Đặng Anh	Quý	Nam	18/08/1994	13CD-Ô3	0	105	105	6.55	Trung bình	A	B	
444	13D2050163	Nguyễn Hồng	Sang	Nam	22/07/1995	13CD-Ô3	0	105	105	6.05	Trung bình		B	
445	13D2050170	Trần Ngọc	Tài	Nam	03/09/1993	13CD-Ô3	0	105	105	6.60	Trung bình	A	B	
446	13D2050185	Lê Hoài	Thanh	Nam	06/07/1995	13CD-Ô3	0	105	105	6.19	Trung bình	A	B	
447	13D2050190	Nguyễn Tấn	Thánh	Nam	03/03/1994	13CD-Ô3	0	105	105	6.04	Trung bình	A	B	
448	13D2050277	Trần Thanh	Thảo	Nam	10/10/1993	13CD-Ô3	0	105	105	7.47	Khá	A	B	
449	13D2050202	Đỗ Thị Cẩm	Thu	Nữ	09/04/1995	13CD-Ô3	0	105	105	6.90	Trung bình	A	B	
450	13D2050205	Nguyễn Thành	Thức	Nam	24/03/1995	13CD-Ô3	0	105	105	6.52	Trung bình	A	B	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số HP nợ	Số tín chỉ toàn khóa	Số tín chỉ tích lũy	Trung bình toàn khóa	Xếp loại TN	ĐÃ CÓ CC TIN HỌC	ĐÃ CÓ CC TIẾNG ANH	GHI CHÚ
451	13D2050212	Phạm Minh	Tiến	Nam	17/01/1995	13CD-Ô3	0	105	105	7.07	Khá	A	B	
452	13D2050213	Trịnh Văn	Tiến	Nam	06/11/1994	13CD-Ô3	0	105	105	6.17	Trung bình	A	B	
453	13D2050210	Lê Văn	Tiến	Nam	02/01/1995	13CD-Ô3	0	105	105	6.02	Trung bình	A	B	
454	13D2050217	Nguyễn Đạo	Tĩnh	Nam	06/11/1995	13CD-Ô3	0	105	105	6.74	Trung bình	A	B	
455	13D2050218	Nguyễn Lê Phước	Toàn	Nam	06/09/1995	13CD-Ô3	0	105	105	6.27	Trung bình	A		
456	13D2050285	Nguyễn Mạnh	Toàn	Nam	09/01/1995	13CD-Ô3	0	105	105	5.89	Trung bình	A	B	
457	13D2050222	Nguyễn Thành	Tri	Nam	24/03/1995	13CD-Ô3	0	105	105	6.45	Trung bình	A	B	
458	13D2050225	Đinh Xuân	Trọng	Nam	14/12/1994	13CD-Ô3	0	105	105	5.88	Trung bình	A	B	
459	13D2050228	Nguyễn Minh	Trung	Nam	03/11/1995	13CD-Ô3	0	105	105	6.31	Trung bình	A		
460	13D2050230	Nguyễn Toàn	Trung	Nam	14/09/1994	13CD-Ô3	0	105	105	5.66	Trung bình	A	B	
461	13D2050238	Trương Công	Tú	Nam	10/03/1993	13CD-Ô3	0	105	105	6.38	Trung bình	A	B	
462	13D2050242	Phạm Hoàng Anh	Tuấn	Nam	26/09/1994	13CD-Ô3	0	105	105	6.50	Trung bình	A	B	
463	13D2050243	Phan Ngọc	Tuấn	Nam	04/10/1995	13CD-Ô3	0	105	105	7.13	Khá	A	B	
464	13D2050247	Vũ Văn	Tuyền	Nam	08/06/1995	13CD-Ô3	0	105	105	6.26	Trung bình	A	B	
465	13D2050303	Nguyễn Minh	Tuyền	Nam	06/05/1994	13CD-Ô3	0	105	105	6.40	Trung bình	A	B	
466	13D2050250	Nguyễn Quốc	Viên	Nam	02/03/1995	13CD-Ô3	0	105	105	5.99	Trung bình	A	B	
467	13D2050253	Trần Quốc	Việt	Nam	06/10/1995	13CD-Ô3	0	105	105	6.34	Trung bình	A	B	
468	13D2050255	Lý Quốc	Vinh	Nam	17/03/1994	13CD-Ô3	0	105	105	6.27	Trung bình		B	
469	13D2050260	Nguyễn Văn	Vũ	Nam	08/11/1994	13CD-Ô3	0	105	105	6.02	Trung bình	A	B	
470	13D2050262	Hồ Thanh	Xuân	Nam	18/10/1995	13CD-Ô3	0	105	105	6.06	Trung bình	A	B	
471	13D2040002	Nguyễn Thị Ngọc	Ái	Nữ	12/12/1995	13CD-M	0	105	105	6.94	Trung bình	A	B	
472	13D2040001	Trương Thị Thúy	Anh	Nữ	21/10/1995	13CD-M	0	105	105	6.58	Trung bình	A	B	
473	13D2040003	Phạm Thị Minh	Châu	Nữ	07/12/1995	13CD-M	0	105	105	6.92	Trung bình	A	B	
474	13D2040004	Nguyễn Hoàng	Diệu	Nữ	15/09/1995	13CD-M	0	105	105	7.00	Khá	A	B	
475	13D2040064	Lương Tâm	Em	Nam	03/04/1991	13CD-M	0	105	105	7.10	Khá	A	B	
476	13D2040059	Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	10/06/1994	13CD-M	0	105	105	6.36	Trung bình	A	B	
477	13D2040007	Lê Nguyễn Kim	Giao	Nữ	22/09/1994	13CD-M	0	105	105	8.23	Giỏi	A	B	
478	13D2040008	Nguyễn Thị Xuân	Hạ	Nữ	24/07/1995	13CD-M	0	105	105	6.98	Trung bình	A	B	
479	13D2040057	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	04/12/1995	13CD-M	0	105	105	7.23	Khá	A	B	
480	13D2040010	Bạch Thị Thúy	Hằng	Nữ	22/01/1995	13CD-M	0	105	105	6.75	Trung bình	A	B	
481	13D2040011	Bùi Thị Kim	Hằng	Nữ	03/05/1995	13CD-M	0	105	105	6.43	Trung bình	A	B	
482	13D2040014	Nguyễn Thị Ngọc	Hợp	Nữ	21/03/1995	13CD-M	0	105	105	6.74	Trung bình	A	B	
483	13D2040015	Trương Thị Cẩm	Hương	Nữ	30/12/1995	13CD-M	0	105	105	7.02	Khá	A	B	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số HP nợ	Số tín chỉ toàn khóa	Số tín chỉ tích lũy	Trung bình toàn khóa	Xếp loại TN	ĐÃ CÓ CC TIN HỌC	ĐÃ CÓ CC TIẾNG ANH	GHI CHÚ
484	13D2040017	Phạm Hoàng Mộng	Kha	Nữ	23/09/1995	13CD-M	0	105	105	7.37	Khá	A	B	
485	13D2040060	Cao Thị Mỹ	Lệ	Nữ	01/03/1995	13CD-M	0	105	105	6.71	Trung bình	A	B	
486	13D2040061	Lê Hà	Linh	Nữ	12/02/1995	13CD-M	0	105	105	7.60	Khá	A	B	
487	13D2040020	Nguyễn Thị Thanh	Loan	Nữ	18/08/1995	13CD-M	0	105	105	7.42	Khá	A	B	
488	13D2040021	Nguyễn Thành	Luân	Nam	16/01/1994	13CD-M	0	105	105	6.77	Trung bình	A	B	
489	13D2040022	Hà Kim	Minh	Nữ	18/09/1995	13CD-M	0	105	105	6.74	Trung bình	A	B	
490	13D2040023	Huỳnh Mỹ	Múa	Nữ	19/04/1990	13CD-M	0	105	105	6.81	Trung bình	A	B	
491	13D2040027	Phan Thị Ánh	Ngọc	Nữ	21/05/1995	13CD-M	0	105	105	7.23	Khá	A	B	
492	13D2040066	Nguyễn Đình Hồng	Nguyên	Nữ	06/10/1994	13CD-M	0	105	105	6.87	Trung bình	A	B	
493	13D2040028	Hồ Thị Yên	Nhi	Nữ	14/12/1995	13CD-M	0	105	105	6.38	Trung bình	A	B	
494	13D2040065	Mai Thị Huỳnh	Như	Nữ	01/08/1995	13CD-M	0	105	105	6.87	Trung bình	A	B	
495	13D2040030	Lê Thị	Nhung	Nữ	08/10/1995	13CD-M	0	105	105	7.06	Khá	A	B	
496	13D2040031	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	04/06/1995	13CD-M	0	105	105	7.76	Khá	A	B	
497	13D2040033	Cao Thị Ngọc	Phương	Nữ	28/05/1995	13CD-M	0	105	105	7.15	Khá	A	B	
498	13D2040034	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	09/07/1995	13CD-M	0	105	105	6.84	Trung bình	A	B	
499	13D2040009	Võ Thiện	Quý	Nam	06/01/1995	13CD-M	0	105	105	6.76	Trung bình	A	B	
500	13D2040035	Lê Hoàng Trúc	Quyên	Nữ	04/09/1994	13CD-M	0	105	105	6.23	Trung bình	A	B	
501	13D2040037	Trần Đăng Bích	Thanh	Nữ	01/01/1995	13CD-M	0	105	105	6.27	Trung bình	A	B	
502	13D2040038	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	24/10/1995	13CD-M	0	105	105	6.67	Trung bình		B	
503	13D2040039	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	13/11/1995	13CD-M	0	105	105	6.40	Trung bình	A	B	
504	13D2040040	Phan Thị Hồng	Thảo	Nữ	24/10/1995	13CD-M	0	105	105	7.02	Khá	A	B	
505	13D2040043	Trần Thị Lệ	Thu	Nữ	08/05/1994	13CD-M	0	105	105	7.30	Khá	A	B	
506	13D2040042	Lê Thị Mai	Thư	Nữ	20/08/1995	13CD-M	0	105	105	8.02	Giỏi	A	B	
507	13D2040044	Nguyễn Phương	Thức	Nam	04/02/1995	13CD-M	0	105	105	6.33	Trung bình	A	B	
508	13D2040045	Đào Thị Thanh	Thùy	Nữ	25/11/1995	13CD-M	0	105	105	6.64	Trung bình	A	B	
509	13D2040047	Lý Mỹ	Trâm	Nữ	09/09/1995	13CD-M	0	105	105	7.09	Khá	A	B	
510	13D2040049	Trần Bảo	Trần	Nữ	19/10/1995	13CD-M	0	105	105	6.47	Trung bình	A	B	
511	13D2040050	Lý Ngọc	Trang	Nữ	18/12/1995	13CD-M	0	105	105	7.24	Khá	A	B	
512	13D2040051	Tạ Thị Tuyết	Trình	Nữ	03/02/1995	13CD-M	0	105	105	6.26	Trung bình	A	B	
513	13D2040063	Trần Thị Ngọc	Trình	Nữ	04/12/1995	13CD-M	0	105	105	6.63	Trung bình	A	B	
514	13D2040018	Bùi Thị Kim	Tuyền	Nữ	16/12/1994	13CD-M	0	105	105	7.64	Khá	A	B	
515	13D2040053	Vũ Hoàn Phương	Uyên	Nữ	26/10/1994	13CD-M	0	105	105	7.03	Khá	A	B	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số HP ng	Số tín chỉ toàn khóa	Số tín chỉ tích lũy	Trung bình toàn khóa	Xếp loại TN	ĐÃ CÓ CC TIN HỌC	ĐÃ CÓ CC TIẾNG ANH	GHI CHÚ
516	13D2040054	Nguyễn Thị Hồng	Vân	Nữ	05/05/1995	13CD-M	0	105	105	6.43	Trung bình	A	B	
517	13D2040055	Phan Thị Hà	Vi	Nữ	27/11/1995	13CD-M	0	105	105	6.63	Trung bình		B	
518	13D2040056	Huỳnh Thị Thanh	Xuân	Nữ	30/11/1995	13CD-M	0	105	105	7.01	Khá	A	B	
519	13D2040067	Lê Thị Như	Ý	Nữ	14/07/1995	13CD-M	0	105	105	6.75	Trung bình	A	B	
520	13D201M095	Trần Long	An	Nam	11/01/1995	13CD-TM1	0	105	105	6.83	Trung bình		B	
521	13D201M004	Châu Thị	Bé	Nữ	21/03/1995	13CD-TM1	0	105	105	6.29	Trung bình		B	
522	13D201M005	Nguyễn Thanh	Bình	Nam	09/01/1995	13CD-TM1	0	105	105	5.96	Trung bình		B	
523	13D201M009	Khuong Công Thái	Đạt	Nam	25/08/1994	13CD-TM1	0	105	105	6.80	Trung bình		B	
524	13D201M013	Trương Quốc	Đạt	Nam	15/12/1995	13CD-TM1	0	105	105	7.49	Khá		B	
525	13D201M087	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	Nữ	28/01/1995	13CD-TM1	0	105	105	7.35	Khá		B	
526	13D201M086	Huỳnh Thị Hồng	Hoa	Nữ	29/12/1995	13CD-TM1	0	105	105	5.84	Trung bình		B	
527	13D201M025	Nguyễn Văn	Huỳnh	Nam	22/12/1995	13CD-TM1	0	105	105	5.68	Trung bình		B	
528	13D201M033	Đinh Hoàng Phi	Long	Nam	14/11/1995	13CD-TM1	0	105	105	6.25	Trung bình		B	
529	13D201M094	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	26/03/1995	13CD-TM1	0	105	105	5.77	Trung bình		B	
530	13D201M043	Nguyễn Thị Kim	Nhân	Nữ	18/01/1994	13CD-TM1	0	105	105	6.68	Trung bình		B	
531	13D201M088	Trần Mạnh	Nhi	Nữ	03/09/1995	13CD-TM1	0	105	105	6.67	Trung bình		B	
532	13D201M045	Lê Hữu	Nhơn	Nam	15/01/1995	13CD-TM1	0	105	105	6.24	Trung bình		B	
533	13D201M047	Lê Văn	Phát	Nam	19/10/1995	13CD-TM1	0	105	105	6.14	Trung bình		B	
534	13D201M051	Bùi Thanh	Quốc	Nam	20/01/1995	13CD-TM1	0	105	105	6.06	Trung bình		B	
535	13D201M109	Phạm Hữu	Thận	Nam	15/05/1995	13CD-TM1	0	105	105	6.34	Trung bình		B	
536	13D201M067	Ngô Minh	Thuận	Nam	09/12/1995	13CD-TM1	0	105	105	5.87	Trung bình		B	
537	13D201M071	Lương Văn	Trọng	Nam	20/06/1993	13CD-TM1	0	105	105	7.30	Khá		B	
538	13D201M084	Phạm Gia Đức	Trọng	Nam	11/03/1995	13CD-TM1	0	105	105	6.06	Trung bình		B	
539	13D201M073	Lê Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	06/12/1995	13CD-TM1	0	105	105	6.01	Trung bình		B	
540	13D201M010	Ngô Thành	Đạt	Nam	06/08/1994	13CD-TM2	0	105	105	6.17	Trung bình		B	
541	13D201M011	Nguyễn	Đạt	Nam	27/03/1995	13CD-TM2	0	105	105	6.33	Trung bình		B	
542	13D201M016	Ngô Hiền	Đức	Nam	30/01/1995	13CD-TM2	0	105	105	7.38	Khá		B	
543	13D201M020	Nguyễn Phúc	Hậu	Nam	30/09/1995	13CD-TM2	0	105	105	6.24	Trung bình		B	
544	13D201M022	Võ Văn	Hoài	Nam	10/02/1994	13CD-TM2	0	105	105	6.85	Trung bình		B	
545	13D201M105	Huỳnh Thị	Lúy	Nữ	24/01/1995	13CD-TM2	0	105	105	7.15	Khá		B	
546	13D201M036	Hồ Văn	Mẫn	Nam	04/09/1995	13CD-TM2	0	105	105	6.28	Trung bình		B	
547	13D201M091	Nguyễn Nhật	Minh	Nam	10/12/1995	13CD-TM2	0	105	105	7.61	Khá		B	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số HP nợ	Số tín chi toàn khóa	Số tín chi tích lũy	Trung bình toàn khóa	Xếp loại TN	ĐÃ CÓ CC TIN HỌC	ĐÃ CÓ CC TIẾNG ANH	GHI CHÚ
548	13D201M044	Nguyễn Trọng	Nhân	Nam	21/09/1995	13CD-TM2	0	105	105	6.91	Trung bình		B	
549	13D201M060	Nguyễn Trung	Thiện	Nam	02/03/1995	13CD-TM2	0	105	105	6.19	Trung bình		B	
550	13D201M062	Nguyễn Tấn	Thịnh	Nam	20/03/1995	13CD-TM2	0	105	105	6.30	Trung bình		B	
551	13D201M064	Lê Trường	Thọ	Nam	07/04/1995	13CD-TM2	0	105	105	6.71	Trung bình		B	
552	13D201M068	Nguyễn Minh	Tiến	Nam	20/09/1995	13CD-TM2	0	105	105	7.00	Khá		B	
553	13D201M090	Đỗ Khánh	Toàn	Nam	10/08/1995	13CD-TM2	0	105	105	6.36	Trung bình		B	
554	13D201M103	Lê Phú	Toàn	Nam	03/05/1995	13CD-TM2	0	105	105	7.32	Khá		B	
555	13D201M072	Lê Thị Cẩm	Tú	Nữ	08/10/1994	13CD-TM2	0	105	105	6.36	Trung bình		B	
556	13D201M106	Trương Huỳnh	Xương	Nữ	27/07/1995	13CD-TM2	0	105	105	7.91	Khá		B	
557	13D201P003	Nguyễn Hữu Tuấn	Anh	Nam	22/08/1994	13CD-TP1	0	105	105	7.42	Khá		B	
558	13D201P005	Nguyễn Thanh	Bảo	Nam	02/12/1995	13CD-TP1	0	105	105	6.12	Trung bình		B	
559	13D201P110	Nguyễn Thị	Chung	Nữ	04/09/1995	13CD-TP1	0	105	105	6.49	Trung bình		B	
560	13D201P012	Lê Chí	Công	Nam	19/4/1994	13CD-TP1	0	105	105	7.22	Khá		B	
561	13D201P072	Lê Sỹ	Định	Nam	20/08/1994	13CD-TP1	0	105	105	6.19	Trung bình		B	
562	13D201P019	Nguyễn Huy	Đức	Nam	13/08/1995	13CD-TP1	0	105	105	5.78	Trung bình		B	
563	13D201P021	Lâm Vũ Trường	Giang	Nam	17/11/1995	13CD-TP1	0	105	105	5.95	Trung bình		B	
564	13D201P023	Võ Minh	Hải	Nam	08/09/1994	13CD-TP1	0	105	105	5.91	Trung bình		B	
565	13D201P025	Đặng Thị	Hào	Nữ	19/04/1994	13CD-TP1	0	105	105	6.21	Trung bình		B	
566	13D201P027	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	26/12/1995	13CD-TP1	0	105	105	6.20	Trung bình		B	
567	13D201P029	Phạm Khắc	Hùng	Nam	11/10/1995	13CD-TP1	0	105	105	6.39	Trung bình		B	
568	13D201P060	Sâm Lý	Hùng	Nam	17/09/1995	13CD-TP1	0	105	105	6.16	Trung bình		B	
569	13D201P031	Lê Thanh	Hữu	Nam	10/09/1995	13CD-TP1	0	105	105	6.25	Trung bình		B	
570	13D201P033	Trần Văn Duy	Khánh	Nam	24/11/1995	13CD-TP1	0	105	105	6.72	Trung bình		B	
571	13D201P037	La Luân	Kiệt	Nam	31/12/1995	13CD-TP1	0	105	105	6.68	Trung bình		B	
572	13D201P042	Võ Thị Mỹ	Lan	Nữ	20/08/1995	13CD-TP1	0	105	105	6.12	Trung bình		B	
573	13D201P045	Phan Ngọc Bảo	Long	Nam	03/05/1994	13CD-TP1	0	105	105	5.96	Trung bình		B	
574	13D201P108	Phạm Hoàng	Minh	Nam	25/04/1994	13CD-TP1	0	105	105	5.73	Trung bình			
575	13D201P057	Huỳnh Ngọc Hoàng	Phúc	Nam	11/12/1994	13CD-TP1	0	105	105	6.26	Trung bình			
576	13D201P063	Trương Minh	Quang	Nam	10/11/1994	13CD-TP1	0	105	105	6.04	Trung bình		B	
577	13D201P067	Trần Xuân	Quý	Nam	03/02/1995	13CD-TP1	0	105	105	6.46	Trung bình		B	
578	13D201P075	Lê Đình	Thắng	Nam	08/10/1995	13CD-TP1	0	105	105	6.16	Trung bình		B	
579	13D201P077	Hồ Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	06/02/1995	13CD-TP1	0	105	105	7.08	Khá		B	
580	13D201P083	Nguyễn Văn	Thuận	Nam	01/06/1994	13CD-TP1	0	105	105	6.46	Trung bình		B	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Số HP nợ	Số tín chỉ toàn khóa	Số tín chỉ tích lũy	Trung bình toàn khóa	Xếp loại TN	ĐÃ CÓ CC TIN HỌC	ĐÃ CÓ CC TIẾNG ANH	GHI CHÚ
581	13D201P086	Hồ Quốc	Tiến	Nam	05/07/1995	13CD-TP1	0	105	105	5.69	Trung bình		B	
582	13D201P095	Huỳnh Minh	Tú	Nam	26/05/1995	13CD-TP1	0	105	105	5.89	Trung bình		B	
583	13D201P101	Trần Văn	Uì	Nam	07/06/1993	13CD-TP1	0	105	105	5.71	Trung bình		B	
584	13D201P103	Huỳnh Phong	Vũ	Nam	01/07/1995	13CD-TP1	0	105	105	5.75	Trung bình		B	
585	13D201P105	Đặng Thị Kim	Xuyên	Nữ	07/04/1995	13CD-TP1	0	105	105	7.63	Khá		B	
586	13D201P127	Trần Văn	Dũng	Nam	20/02/1995	13CD-TP2	0	105	105	7.27	Khá		B	
587	13D201P026	Cao Trí	Hiếu	Nam	16/07/1995	13CD-TP2	0	105	105	7.04	Khá		B	
588	13D201P030	Phan Ngọc	Hùng	Nam	22/02/1995	13CD-TP2	0	105	105	6.77	Trung bình		B	
589	13D201P032	Phạm Điền	Kha	Nam	01/08/1994	13CD-TP2	0	105	105	6.14	Trung bình			
590	13D201P034	Nguyễn Văn	Khôi	Nam	30/12/1995	13CD-TP2	0	105	105	6.89	Trung bình			
591	13D201P040	Lâm Xuân	Ký	Nam	02/10/1995	13CD-TP2	0	105	105	6.44	Trung bình		B	
592	13D201P048	Phạm Trọng	Minh	Nam	03/04/1990	13CD-TP2	0	105	105	7.76	Khá		B	
593	13D201P052	Lê Phát	Nguyên	Nam	17/12/1992	13CD-TP2	0	105	105	7.39	Khá			
594	13D201P053	Nguyễn	Nhật	Nam	21/09/1993	13CD-TP2	0	105	105	8.05	Giỏi		B	
595	13D201P055	Phan Minh	Nhật	Nam	24/06/1995	13CD-TP2	0	105	105	7.54	Khá		B	
596	13D201P070	Trần Văn	Sơn	Nam	15/02/1995	13CD-TP2	0	105	105	6.07	Trung bình		B	
597	13D201P114	Trần Minh	Thiện	Nam	30/09/1995	13CD-TP2	0	105	105	6.56	Trung bình		B	
598	13D201P121	Hoàng Quốc	Việt	Nam	22/02/1995	13CD-TP2	0	105	105	6.75	Trung bình		B	
599	13D201P104	Huỳnh Thị Minh	Vy	Nữ	04/06/1995	13CD-TP2	0	105	105	7.02	Khá		B	
600	13D201P106	Nguyễn Huỳnh Như	Ỡ	Nữ	19/11/1995	13CD-TP2	0	105	105	6.25	Trung bình		B	

Tổng cộng danh sách có 600 sinh viên

Trong đó:

* Loại Giỏi	3 SV	#	0.50 %
* Loại Khá	63 SV	#	10.50 %
* Loại Trung bình	534 SV	#	89.00 %



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc

TRƯỜNG PHÒNG TS-ĐT-GTVL

Nguyễn Văn Tấn